



MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

[4,5]

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

[6]

GIỚI THIỆU

[7]

BAN LÃNH ĐẠO

[8,9]

BAN KIỂM SOÁT

[10]

MÔ HÌNH TỔ CHỨC

[10 - 11]

LĨNH VỰC KINH DOANH

[12]

CÁC MỤC TIÊU KINH DOANH

[13]

THÀNH TỰU NỔI BẬT CỦA PVC 2010

[14 -15]

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

[17 - 21]

**BÁO CÁO TỔNG KẾT SXKD 2010
VÀ KẾ HOẠCH 2011**

[23 -30]

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

[31 -80]

CÁC CÔNG TRÌNH & DỰ ÁN

[81-91]

CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

[92-93]



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi các Quý cổ đống!

2010 là năm đánh dấu những bước thành công rực rỡ của của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) trên chặng đường đổi mới và tăng tốc phát triển.

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, lạm phát kéo dài, nhưng với tinh thần đoàn kết, chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, Tổng công ty đã gạt hái được những thành công trên mọi mặt hoạt động, khẳng định vai trò, vị thế của một doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực xây lắp chuyên ngành Dầu khí, góp phần vào sự phát triển chung của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.

Đặc biệt, với những cống hiến không nhỏ vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, PVC đã vinh dự được Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý Anh hùng lao động và Huân chương Lao động hạng Nhất.

Năm 2010, PVC tiếp tục đạt tốc độ tăng trưởng gấp đôi so với năm 2009. Giá trị sản lượng của PVC đạt con số 10.088,91 tỷ đồng, doanh thu 8.002,8 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 943,9 tỷ đồng.

Từ vai trò thầu phụ cho các nhà thầu quốc tế, PVC đã vươn lên trở thành Tổng thầu EPC các công trình có quy mô ngày càng lớn, yêu cầu kỹ thuật phức tạp như: Nhà máy nhiệt điện Thái Bình II, nhiệt điện Nhơn Trạch II, Nhà máy nhiên liệu sinh học Ethanol Phú Thọ, Nhà máy xơ sợi tổng hợp Polyeste Đình Vũ...

PVC cũng tiếp tục khẳng định được thế mạnh trong lĩnh vực xây lắp chuyên ngành dầu khí qua việc thực hiện thi công hầu hết các dự án về vận chuyển, tàng trữ dầu và khí theo hình thức EPC như Kho chứa LPG Gò Dầu, Kho chứa



LPG và trạm xuất xe bồn Dung Quất, Khu công nghiệp Soài Rạp - Tiền Giang; Nhà máy sản xuất bao bì Dung Quất... Bên cạnh đó, PVC có bước tiến vượt bậc trong công nghệ xây dựng nhà cao tầng quy mô lớn như: Văn phòng Viện Dầu khí, Toà nhà dầu khí Phú Mỹ Hưng, Khách sạn Dầu khí Vũng Tàu, Cao ốc văn phòng Dragon Tower... Năm 2011 mở ra những vận hội và thách thức mới. Với khí thế và nền tảng đã tạo dựng trong năm 2010, Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã vượt qua mọi khó khăn, trở ngại, phát huy mọi nguồn lực, khai thác mọi cơ hội để tiếp tục phát triển bền vững và mạnh mẽ hơn nữa, với mục tiêu đạt giá trị sản lượng 20.000 tỷ đồng, doanh thu 18.000 tỷ đồng, lợi nhuận 1.556 tỷ đồng.

Với mục tiêu đến năm 2015, PVC vươn lên trở thành Tập đoàn Công nghiệp - Xây dựng số 1 Việt Nam, Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên và người lao động PVC tiếp tục phát huy truyền thống của một đơn vị Anh hùng, nỗ lực, quyết tâm, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm để đưa Tổng công ty phát triển nhanh, mạnh và bền vững trên chặng đường sắp tới.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin trân trọng cảm ơn sự tin tưởng, tin nhiệm và ủng hộ của các Quý Cổ đông, các nhà đầu tư trong và ngoài nước, cảm ơn những nỗ lực của tập thể lãnh đạo và sự lao động sáng tạo của cán bộ nhân viên PVC, những người đã có đóng góp quan trọng nhất cho thành công của Tổng công ty cho hôm nay và mai sau!

Hà Nội, tháng 4 năm 2011
Chủ tịch Hội đồng quản trị

TRỊNH XUÂN THANH

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

08/1983

Chủ tịch HĐBT cho phép Tổng cục Dầu khí thành lập Xí nghiệp Liên hợp Xây lắp Dầu khí.

14/09/1983

Tổng cục Dầu khí đã quyết định thành lập Xí nghiệp Liên hợp Xây lắp Dầu khí.

19/09/1995

Xí nghiệp Liên hợp Xây lắp Dầu khí đổi tên thành Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí.

17/03/2005

Bộ trưởng Bộ Công nghiệp phê duyệt phương án cổ phần hoá và chuyển Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí thành Công ty CP Xây lắp Dầu khí.

26/10/2007

Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam thông qua Đề án chuyển đổi Công ty CP Xây lắp Dầu khí thành Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

21/11/2007

Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty thông qua đề án chuyển đổi Công ty CP Xây lắp Dầu khí.

27/6/2008

Đại hội cổ đông thường niên Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ lên 1.500 tỷ đồng.

16/5/2009

Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) thông qua Kế hoạch niêm yết cổ phiếu lên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Chiến lược phát triển đến năm 2015, định hướng đến năm 2025.

19/8/2009

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam thực hiện Niêm yết 150.000.000 cổ phiếu với mã cổ phiếu là PVX trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

20/01/2010

Đại hội đồng cổ đông bất thường Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ lên 2.500 tỷ đồng.

GIỚI THIỆU

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐẦU KHÍ VIỆT NAM

Trụ sở chính:	Tòa nhà CEO, đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại:	(84) 4 3768 9291 / 3 / 4 / 5
Fax:	(84) 4 3768 9290 / 3768 9867
Email:	info@pvc.vn
Website:	www.pvc.vn
Văn phòng phía Nam:	Tầng 6, tòa nhà Media, 11Bis, Nguyễn Gia Thiều, P. 6, Q.3, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại :	(84) 8 5422 1015
Fax :	(84) 8 5422 1515
Mã cổ phiếu:	PVX
Lĩnh vực kinh doanh:	- Xây lắp chuyên ngành dầu khí - Xây dựng chuyên ngành công nghiệp và dân dụng - Đầu tư, xây dựng khu công nghiệp và đô thị - Đầu tư bất động sản, kinh doanh văn phòng, siêu thị, nhà ở - Đầu tư tài chính
Vốn điều lệ:	2.500 tỷ
Vốn điều lệ dự kiến năm 2011:	5.000 tỷ
Chủ tịch HĐQT:	Ông Trịnh Xuân Thanh
Tổng giám đốc:	Ông Vũ Đức Thuận
Số lượng cán bộ công nhân viên:	9.738(*)

(*) Cập nhật đến tháng 3/2011

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



- Ông **TRỊNH XUÂN THANH**
Chủ tịch HĐQT
- Ông **NGUYỄN NGỌC QUÝ**
Phó chủ tịch HĐQT
- Ông **VŨ ĐỨC THUẬN**
Ủy viên HĐQT
- Ông **BÙI TIẾN THÀNH**
Ủy viên HĐQT
- Ông **LÊ HỒNG THÁI**
Ủy viên HĐQT



BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



- Ông **VŨ ĐỨC THUẬN**
Tổng giám đốc
- Ông **NGUYỄN MẠNH TIẾN**
Phó Tổng giám đốc thường trực
- Ông **NGUYỄN HUY HÒA**
Phó Tổng giám đốc
- Ông **PHẠM HỮU NGHĨA**
Phó Tổng giám đốc
- Ông **NGUYỄN NGỌC DŨNG**
Phó Tổng giám đốc
- Ông **CHU VĂN MINH**
Phó Tổng giám đốc
- Ông **NGUYỄN DUYÊN HẢI**
Phó Tổng giám đốc
- Ông **NGUYỄN ANH MINH**
Phó Tổng giám đốc

BAN KIỂM SOÁT



• Bà **NGUYỄN THỊ THU HƯỜNG**
Trưởng Ban Kiểm soát

• Ông **HỮA XUÂN NAM**
Ủy viên Ban Kiểm soát

• Ông **VŨ HỮU NGHỊ**
Ủy viên Ban Kiểm soát

• Bà **NGUYỄN HỒNG ANH**
Ủy viên Ban Kiểm soát

• Bà **TRẦN THỊ TRANG**
Ủy viên Ban Kiểm soát

MÔ HÌNH TỔ CHỨC





CÁC BAN, TRUNG TÂM CHỨC NĂNG - BAN ĐIỀU HÀNH DỰ ÁN

CÁC BAN, TRUNG TÂM CHỨC NĂNG

- 1 Văn phòng**
 - ^{1.1} Phòng Văn thư lưu trữ
 - ^{1.2} Phòng Tổng hợp - Thi đua khen thưởng
 - ^{1.3} Phòng Hành chính - Quản trị
 - ^{1.4} Phòng Pháp chế
 - ^{1.5} Phòng Tin học
 - ^{1.6} Văn phòng phía Nam
- 2 Ban Tổ chức Nhân sự**
 - ^{2.1} Phòng Tổ chức Cán bộ
 - ^{2.2} Phòng Tiền lương và Chế độ chính sách
 - ^{2.3} Phòng Đào tạo - Phát triển nguồn nhân lực
- 3 Ban Tài chính Kế toán**
 - ^{3.1} Phòng Tài chính
 - ^{3.2} Phòng Kế toán
- 4 Ban Kỹ thuật An toàn**
 - ^{4.1} Phòng Quản lý kỹ thuật thi công
 - ^{4.2} Phòng Quản lý chất lượng
 - ^{4.3} Phòng An toàn và Môi trường
- 5 Ban Thương mại**
- 6 Ban Kế hoạch**
- 7 Ban Kinh tế Đấu thầu**
 - ^{7.1} Phòng Đấu thầu
- 8 Ban Đầu tư và Dự án**
 - ^{8.1} Phòng Kinh doanh
- 9 Ban Kiểm toán nội bộ**
- 10 Trung tâm Truyền Thông, Phát triển Thương hiệu và Văn hóa Doanh nghiệp PVC**
- 11 Trung tâm Tư vấn Thiết kế và Ứng dụng Kỹ thuật PVC**

CÁC BAN ĐIỀU HÀNH DỰ ÁN

- 1** BDH các dự án của PVC tại Hà Nội
- 2** BDHDA Xây dựng công trình kho chứa LPG lạnh
- 3** BDHDA Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2
- 4** BDH Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng
- 5** BDHDA Nhà máy sản xuất Ethanol
- 6** BDHDA Nhà máy điện Nhơn Trạch 2
- 7** BDHDA Đường ống dẫn khí phía Nam
- 8** BDHDA Nhà máy Xơ sợi tổng hợp Polyester

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

- 1** CÁC CÔNG TY CON
- 2** CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

LĨNH VỰC KINH DOANH

A. Xây lắp chuyên ngành Dầu khí

- Xây dựng nhà máy lọc hóa dầu
- Thiết kế, chế tạo, lắp đặt hệ thống đường ống dẫn dầu, khí.
- Thiết kế, thi công, sửa chữa giàn khoan, chân đế, bồn bể.
- Sản xuất & lắp đặt các phụ kiện khoan khai thác dầu khí.
- Đóng tàu & kinh doanh các thiết bị ngành dầu khí.

B. Xây dựng công nghiệp

- Tổng thầu EPC xây dựng nhà máy nhiệt điện, khí điện, lắp đặt hệ thống đường dây tải điện lên đến 35KV.
- Đầu tư xây dựng các nhà máy chế tạo cơ khí, đóng tàu, vật liệu xây dựng. Thiết kế và tổng thầu EPC các dự án hạ tầng giao thông thủy lợi.
- Lắp đặt các hệ thống thiết bị công nghiệp, thiết bị điều khiển, tự động hóa cho các công trình công nghiệp...

C. Xây dựng dân dụng

- Đầu tư, tư vấn, thiết kế các công trình dân dụng.
- Tổng thầu EPC các dự án xây dựng văn phòng, khách sạn và chung cư cao cấp, đặc biệt nhà kết cấu thép, nhà cao tầng và siêu cao tầng.

D. Đầu tư xây dựng khu Công nghiệp

- Xây dựng các khu công nghiệp và khu đô thị mới.
- Thi công san lấp mặt bằng, đường xá.
- Xây dựng nhà máy xi măng, trạm trộn bê tông và sản xuất vật liệu xây dựng.

E. Đầu tư tài chính

- Đầu tư góp vốn vào các công ty thành viên.
- Khai thác nguồn tài chính bên ngoài, liên doanh, liên kết và phát hành cổ phiếu.
- Liên doanh với đối tác nước ngoài để hợp tác đầu tư các dự án có vốn đầu tư lớn.

F. Đầu tư bất động sản

- Văn phòng; Siêu thị; Nhà ở

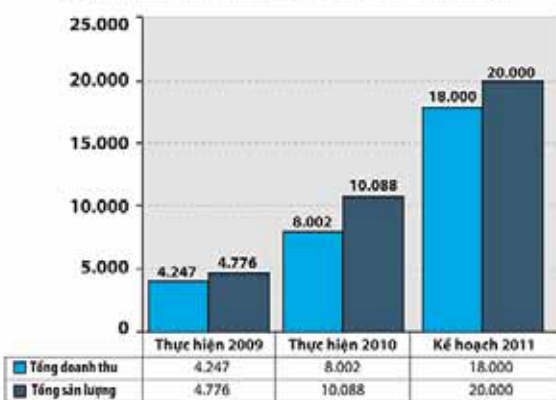
TỶ TRỌNG CÁC LĨNH VỰC NĂM 2015

STT	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ trọng
1	Lĩnh vực xây lắp các nhà máy lọc hóa dầu, chế biến khí và các nhà máy công nghiệp khác	20%
2	Lĩnh vực cơ khí chế tạo thiết bị dầu khí, sản xuất công nghiệp	20%
3	Lĩnh vực xây dựng hệ thống tàng trữ và vận chuyển các sản phẩm dầu khí	15%
4	Lĩnh vực đầu tư khu công nghiệp, căn cứ dịch vụ dầu khí	15%
5	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	15%
6	Lĩnh vực xây lắp các công trình dầu khí trên biển	7,5%
7	Lĩnh vực xây lắp nhà cao tầng	7,5%

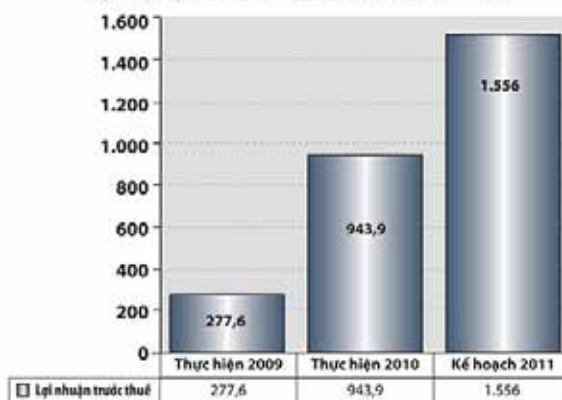


CÁC MỤC TIÊU KINH DOANH

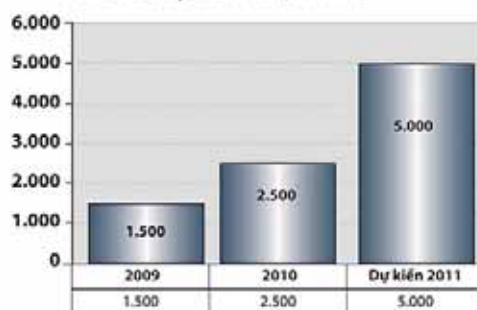
DOANH THU VÀ SẢN LƯỢNG CỦA TCT (TỶ VND)



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ CỦA TCT (TỶ VND)



VỐN ĐIỀU LỆ CỦA TCT (TỶ VND)



www.pvc.vn





PVC

THÀNH TỰU NỔI BẬT

2010



2 Tổng công ty đã hoàn thành toàn diện và vượt mức tất cả các chỉ tiêu kinh tế so với kế hoạch năm 2010 được Tập đoàn giao, "Vé đích trước" kế hoạch 1 tháng 20 ngày.



1 Tổng công ty đã vinh dự được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu **Anh hùng Lao động** vì đã có thành tích đặc biệt xuất sắc trong lao động, sáng tạo từ năm 1999 đến 2009. Ngoài ra, Tổng công ty đã được trao tặng nhiều danh hiệu và giải thưởng cao quý khác như: Huân chương Lao động hạng Nhất, TOP 10 "Sao vàng Đất Việt 2010", giải thưởng "Doanh nghiệp tiêu biểu Việt Nam 2010", "Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2010"...

3 Hoàn thành mục tiêu tiến độ và đảm bảo chất lượng thi công các công trình trọng điểm trong đó nổi bật là việc hoà đồng bộ Tổ máy Tuabin khí GT 11- Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 lên lưới điện Quốc gia đồng thời gắn biển công trình chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI; công trình Văn phòng Viện Dầu khí, Rạp Kim Đồng (2 công trình được gắn biển chào mừng 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội)...

4 Thực hiện thành công công tác sắp xếp đổi mới doanh nghiệp, tái cấu trúc doanh nghiệp, bao gồm chuyển đổi, thành lập mới nhiều doanh nghiệp, cơ cấu lại một số khoản đầu tư thu lợi nhuận trên 200 tỷ đồng, đưa 14 mã cổ phiếu của Công ty thành viên niêm yết và giao dịch thành công trên sàn giao dịch chứng khoán.





5 Đẩy mạnh công tác đầu tư, triển khai nhiều dự án, như: Nhà máy Sản xuất ống thép hàn thẳng; Khu công nghiệp Soài Rạp - Tiến Giang; Nhà máy sản xuất bao bì Dung Quất; Nhà máy Bê tông dự ứng lực PVC-Fecon; Khách sạn Dầu khí Thái Bình; Chung cư cao cấp CT10-11 khu đô thị Văn Phú- Hà Đông, Khu phức hợp Thương mại-Dịch vụ-Văn phòng và Căn hộ cao cấp tại Vũng Tàu, Chung cư Petroland Q.2, TP. Hồ Chí Minh...



6 Mở rộng hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, như: Ocean Bank, Tập đoàn Sông Đà, Trường Đại học Luật, Trường Đại học Xây dựng, Hanshin E&C, Posco Corp., Hyosung Corp., Samsung C&T, Samsung Engineering,... các doanh nghiệp CHLB Đức và nhiều đối tác quan trọng khác ...

7 Hoàn thành tăng vốn điều lệ của Tổng công ty từ 1.500 tỷ đồng lên 2.500 tỷ đồng và niêm yết bổ sung trên sàn giao dịch chứng khoán, đáp ứng nhu cầu vốn cần thiết cho đầu tư và sản xuất kinh doanh, đảm bảo an toàn tài chính.



8 Thực hiện tốt công tác An sinh xã hội với tổng số tiền thực hiện trong năm 2010 đạt trên 65 tỷ đồng, đảm bảo việc làm và ổn định đời sống cho toàn thể CBCNV trong Tổng công ty.





**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2010
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2011**



Professional Visionary Creative
CHUYÊN NGHIỆP, TÂM NHIN, SÁNG TẠO

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2010 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2011

2010 | TĂNG TỐC PHÁT TRIỂN

2010 là năm khó khăn của nền kinh tế Việt Nam. Trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản và xây dựng, nhiều dự án đầu tư, xây dựng bị dừng, hoặc giãn tiến độ, đặc biệt là việc giải ngân vốn đầu tư rất khó khăn. Tình hình lạm phát có những diễn biến phức tạp, chỉ số giá tiêu dùng vượt lên 2 con số, lãi suất huy động của các ngân hàng tăng cao đẩy lãi suất cho vay đến mức gần 20%/năm, cùng với thị trường ngoại tệ, giá cả vật tư, nguyên vật liệu biến động liên tục gây ảnh hưởng khá lớn đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Tổng công ty.

Tuy nhiên, với Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam, 2010 thực sự là năm sôi động với nhiều sự kiện và nhiều thành quả đáng tự hào. PVC đã tận dụng tốt các thời cơ phát triển hậu khủng hoảng và xác định một cách chính xác diễn biến thị trường cũng như những khó khăn để đưa ra những quyết sách phát triển hợp lý nên hầu hết các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của năm 2010 mà Đại hội đồng cổ đông PVC đã đề ra đều hoàn thành vượt kế hoạch một cách xuất sắc, đặc biệt chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế toàn tổ hợp là 742 tỷ, riêng Công ty mẹ đạt 435,8 tỷ. Cùng với việc hoàn thành và bàn giao hàng loạt công trình như Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, Nhà máy Polypropylene Dung Quất, Văn phòng Viện Dầu khí, Rạp Kim Đồng, Trụ sở Bộ Nội vụ, Tòa nhà Vinafood, Nhà điều hành Vietsovpetro, Mở rộng giai đoạn 2 Tổng kho xăng dầu Nhà Bè... Tổng công ty đã đẩy mạnh công tác đầu tư, triển khai nhiều dự

án, như: Nhà máy Sản xuất ống thép hàn thẳng; Khu công nghiệp Soài Rạp - Tiền Giang; Nhà máy sản xuất bao bì Dung Quất; Nhà máy Bê tông dự ứng lực PVC-Fecon; Tháp Dầu khí, Khách sạn Dầu khí Thái Bình; Chung cư cao cấp CT10-11 (Hanoi Times Tower) khu đô thị Văn Phú - Hà Đông, Khu phức hợp Thương mại - Dịch vụ - Văn phòng và Căn hộ cao cấp tại Vũng Tàu, Chung cư Petroland Q.2, TP. Hồ Chí Minh; Sân gôn và Biệt thự sinh thái Cam Ranh,...

Ngoài ra, Tổng công ty đã vinh dự được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu **Anh hùng lao động** vì đã có thành tích đặc biệt xuất sắc trong lao động, sáng tạo từ năm 1999 đến 2009 và được trao tặng nhiều danh hiệu và giải thưởng cao quý khác như: TOP 10 "Sao vàng Đất Việt 2010", giải thưởng "Doanh nghiệp tiêu biểu Việt Nam 2010", "Bảo cáo thường niên tốt nhất năm 2010"...

Năm 2010, Hội đồng quản trị Tổng công ty với vai trò đại diện cho các cổ đông của PVC đã làm việc nỗ lực để đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời, đánh dấu các bước phát triển mạnh mẽ của Tổng công ty.

HOẠCH ĐỊNH CHIẾN LƯỢC, SẮP XẾP, ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP

Trong năm 2010, Hội đồng quản trị đưa ra những định hướng chiến lược cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm của Tổng công



ty, nhằm tận dụng thời cơ phát triển hậu khủng hoảng. Bên cạnh đó, tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên theo hướng chuyên sâu, tập trung theo vùng, miền, phát huy thế mạnh của mỗi đơn vị, tránh tình trạng cạnh tranh giữa các đơn vị trong cùng Tổng công ty. Xây dựng lực lượng chủ chốt gồm 16 công ty con và thu gọn đầu mối các đơn vị liên kết. Thực hiện thoái vốn tại các đơn vị hoạt động kém hiệu quả và thu hồi vốn, lợi nhuận về cho Tổng công ty, đồng thời cơ cấu lại nguồn vốn đầu tư tài chính. Hiện Hội đồng quản trị Tổng công ty đang tiếp tục chỉ đạo xây dựng định hướng phát triển Tổng công ty theo mô hình Tập đoàn.

LÃNH ĐẠO, GIÁM SÁT TRONG ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT KINH DOANH

Hội đồng quản trị đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác nhằm đảm bảo hoạt động của Tổng công ty an toàn, tuân thủ theo đúng pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Ngoài ra, Hội đồng quản trị còn chú trọng công tác quản trị rủi ro, triển khai đồng thời việc chuẩn hóa các quy trình, quy chế quản trị; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực thi các quy trình quy chế này trong mọi mặt hoạt động. Hoạt động của Ban kiểm soát, bộ phận pháp chế, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng công ty năm 2010 cũng được tăng cường nhằm phát huy vai trò quan trọng trong việc giám sát hoạt động của Tổng công ty, kịp thời phát hiện và khắc phục các điểm yếu, tạo đà cho việc phát triển bền vững, đảm bảo cân đối hài hòa lợi ích của Công ty, Nhà nước, của cổ đông và đối tác, bạn hàng cũng như quyền lợi của người lao động.

Ngoài ra, với hàng loạt công trình, dự án xây lắp dân dụng và chuyên ngành trải dọc theo chiều dài đất nước, Hội đồng quản trị luôn sát cánh, hỗ trợ Ban Tổng giám đốc Tổng công ty tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác thi công công trình, dự án nhằm hoàn thành và bàn giao đúng tiến độ, chất lượng theo yêu cầu của chủ đầu tư.

CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Năm 2010, Tổng công ty đã hoàn thành thủ tục tăng vốn điều lệ từ 1.500 tỷ lên 2.500 tỷ đồng và niêm yết bổ sung số vốn điều lệ được tăng. Để việc sử dụng vốn đạt hiệu quả kinh tế cao nhất, Hội đồng quản trị đã ban hành các quy chế quản lý tài chính nội bộ nhằm tăng cường công tác giám sát tài chính; ban hành định mức, đơn giá nội bộ nhằm giảm chi phí, gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, Hội đồng quản trị luôn chỉ đạo Ban Tổng giám đốc Tổng công ty cũng như các đơn vị thành viên hoàn thiện bộ máy làm công tác kế toán, đảm bảo chế độ kế toán lành mạnh, ổn định, chấp hành các quy định pháp luật. Công tác báo cáo tương đối kịp thời, đặc biệt đảm bảo thời gian công bố thông tin với doanh nghiệp niêm yết. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước.

Tổng công ty đã nghiên cứu quy chế quản trị công ty theo mẫu của Ủy ban chứng khoán, tham khảo các mô hình tổ chức và quản trị tiên tiến để xây dựng và cho áp dụng Quy chế quản trị Tổng công ty nhằm từng bước chuẩn hóa công tác quản lý, điều hành, hạn chế những rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo đà cho việc phát triển bền vững, đảm bảo cân đối hài hòa lợi ích của Tổng công ty, Nhà nước, của cổ đông và đối tác cũng như quyền lợi của người lao động. Trong năm, Tổng công ty đã chi tạm ứng cổ tức lần 1/2010 với mức tạm ứng cổ tức là 10%/trên mệnh giá và sẽ tiếp tục thực hiện việc chi trả nốt cổ tức năm 2010 sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

- *Vé đầu tư xây dựng cơ bản:* Hội đồng quản trị đã phê duyệt và đầu tư các dự án lớn thuộc thẩm quyền, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc điều chỉnh kịp thời kế hoạch theo chủ trương kiểm chế lạm phát của Chính phủ; phân tích, đánh giá hiệu quả các dự án, mức độ quan trọng của các dự án để tạm dừng, giãn tiến độ do chưa cấp bách, kém hiệu quả, hoặc không thu xếp được vốn, để có kế hoạch đầu tư hợp lý, tránh



đầu tư dàn trải. Bên cạnh việc đẩy mạnh các hoạt động thi công xây lắp, Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án phục vụ cho chuyên ngành xây lắp dầu khí, đầu tư máy móc thiết bị, nhằm bổ sung kịp thời cơ sở vật chất kỹ thuật và thiết bị phục vụ cho nhu cầu phát triển sản xuất. Giá trị đầu tư về xây dựng cơ bản năm 2010 của toàn Tổng công ty: 4055 tỷ đồng, riêng Công ty mẹ là 499 tỷ đồng.

- Về đầu tư tài chính: Năm 2010, Tổng công ty thực hiện rà soát, sắp xếp lại các đơn vị thành viên và cơ cấu lại vốn đầu tư vào các doanh nghiệp khác tại các thời điểm thị trường chứng khoán có biến động nhằm mang lại hiệu quả cao trong đầu tư tài chính, thu hồi vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.

Ngoài ra, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã

thực hiện tốt công tác đối ngoại, xây dựng các mối quan hệ đối tác bền vững, tin cậy với các chủ đầu tư, với các cơ quan quản lý nhà nước và luôn tích cực tìm kiếm đối tác, thị trường mới.

Trong năm qua, dưới sự chỉ đạo, giúp đỡ của lãnh đạo Tập đoàn Dầu khí VN, sự hợp tác của các đối tác, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Tổng công ty PVC đã lãnh đạo và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 để ra, đưa Tổng công ty phát triển vượt bậc, vị thế và thương hiệu của PVC trên thị trường xây lắp trong nước ngày càng nâng cao. Qua việc đánh giá những công việc đã làm trong năm 2010, những hạn chế cần khắc phục, Hội đồng quản trị sẽ rút kinh nghiệm và không ngừng nâng cao năng lực quản lý cho phù hợp với tình hình mới nhằm thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông 2011 giao.

2011 | KHẲNG ĐỊNH NĂNG LỰC, VỊ THẾ

Trong năm 2011, PVC sẽ tiếp tục phát triển theo hướng trở thành đơn vị chủ lực của ngành dầu khí trong xây lắp chuyên ngành, xây dựng dân dụng và công nghiệp, đồng thời mở rộng ra các công trình ngoài ngành và phát triển mảng đầu tư bất động sản.

Với mục tiêu sản lượng đạt 20.000 tỷ đồng, doanh thu 18.000 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 1.556 tỷ đồng, tỷ lệ cổ tức đạt 17% vốn điều lệ, Hội đồng quản trị Tổng công ty dự kiến phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2011 như sau:

+ Tiếp tục kiện toàn và cơ cấu lại tổ chức bộ máy của Tổng công ty cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên, tập trung đầu tư phát triển 15 đơn vị thành viên chủ chốt về xây lắp chuyên ngành dầu khí, xây dựng công nghiệp, dân dụng và đầu tư bất động sản. Không ngừng cải tiến phương thức quản lý tại cơ quan Tổng công ty và các đơn vị thành viên theo hướng gọn nhẹ và

chuyên sâu nhằm tăng năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh của toàn Tổng công ty.

+ Tập trung xây dựng, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, trình độ lực lượng lao động, lực lượng quản lý điều hành chuyên nghiệp, đào tạo và có chính sách thu hút đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật trình độ, tay nghề cao có chứng chỉ quốc tế và đội ngũ cán bộ quản lý dự án theo tiêu chuẩn quốc tế. Bên cạnh đó, nghiên cứu áp dụng các công nghệ quản lý dự án, quản lý sản xuất tiên tiến có hiệu suất cao, ứng dụng phần mềm tiên tiến vào các lĩnh vực quản lý của Tổng công ty.

+ Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định về quản lý tài chính nội bộ của Tổng công ty phù hợp với mô hình Công ty mẹ - Công ty con nhằm tăng cường giám sát tình hình tài chính và kiểm soát chặt chẽ tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Thường xuyên kiểm tra, giám sát người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại



các đơn vị có vốn góp của Tổng công ty, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Tổng công ty, phát huy hiệu quả đầu tư vốn.

Tiếp tục rà soát tiến độ thực hiện các dự án để có kế hoạch đầu tư hợp lý, tránh đầu tư dàn trải, đồng thời tích cực đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án trọng điểm đang triển khai như dự án Khu công nghiệp Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang, Khu đô thị Dầu khí Hoài Đức - Hà Nội, Trung tâm thương mại và Tháp Dầu khí Việt Nam, Nhà máy Sản xuất ống thép hàn thẳng, Bãi cảng chế tạo kết cấu kim loại tại Sao Mai - Bến Đình, Nhà máy sản xuất Kết cấu kim loại và thiết bị dầu khí, Nhà máy sản xuất que hàn... và tìm kiếm các cơ hội đầu tư những dự án hiệu quả khác. Tăng cường đầu tư các dự án phát triển công nghệ cao và sản xuất vật liệu phục vụ chuyên ngành nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư và phát triển sản xuất.

+ Tăng cường công tác giám sát, chỉ huy, điều hành nhất là các dự án trọng điểm của Nhà nước, của ngành đảm bảo chất lượng, kỹ thuật và bàn giao đúng tiến độ. Các dự án trọng điểm lớn trong năm 2011 gồm: Công

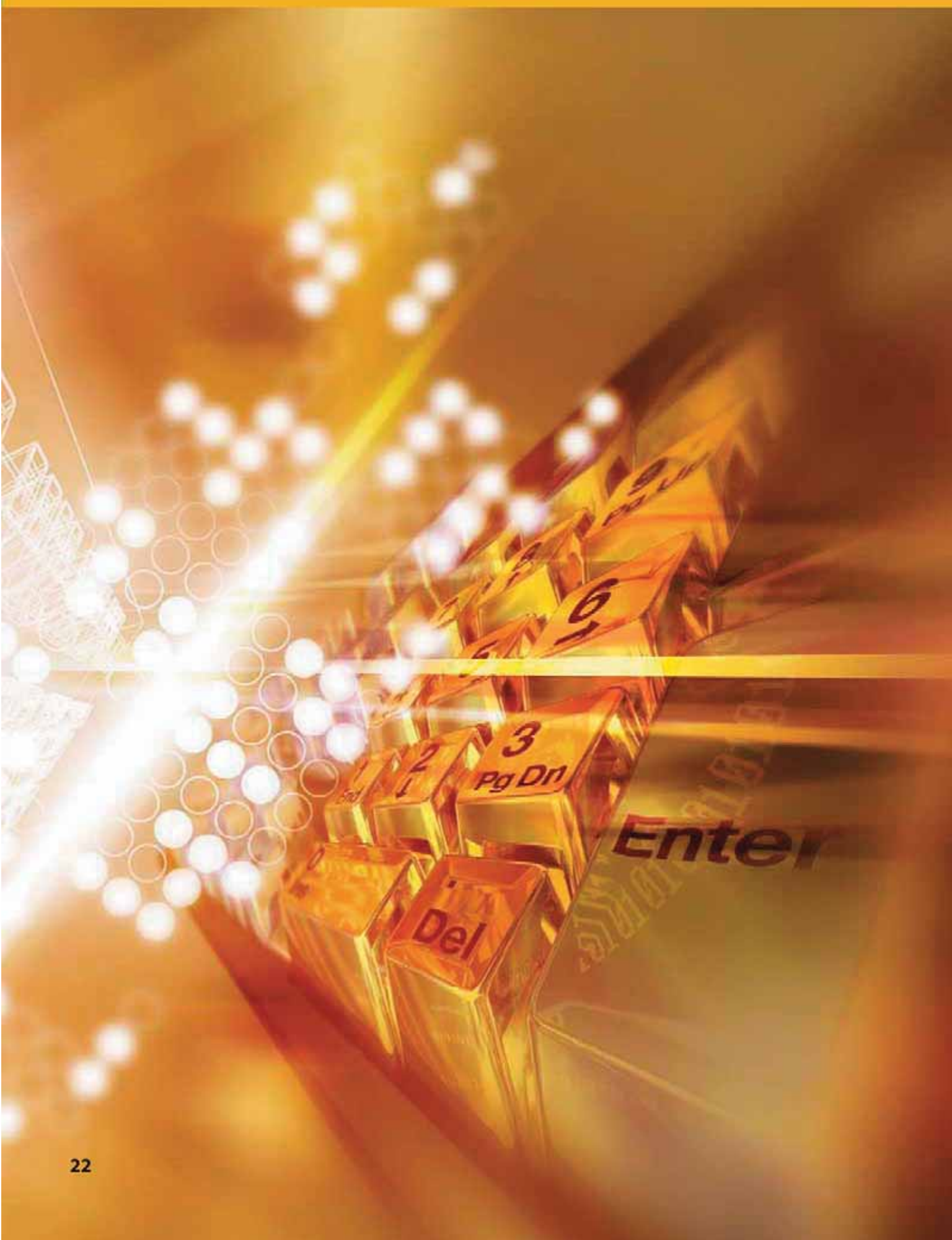
trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng, Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2, Nhà máy sản xuất nhiên liệu sinh học Ethanol Phú Thọ, Khu nhà ở và dịch vụ phục vụ Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn, Đường vào Trung tâm Nhiệt điện Long Phú, Dự án Trung tâm nhiệt điện Quảng Trạch...

+ Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa của các cổ đông cũng như quan tâm đến thu nhập, quyền lợi và điều kiện làm việc đối với cán bộ, công nhân viên trong toàn Tổng công ty.



Trịnh Xuân Thanh







**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2010
VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT
KINH DOANH NĂM 2011**



Professional Visionary Creative
CHUYÊN NGHIỆP. TÂM NHIN. SÁNG TẠO

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2010 VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2011



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2010

Năm 2010, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, với sự hợp tác của các đối tác trong và ngoài ngành, toàn thể CBCNV Tổng công ty đã khai thác tối đa các yếu tố thuận lợi, vượt qua khó khăn, thách thức, phát huy tinh thần đoàn kết, chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, nỗ lực hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của PVC trong năm 2010 đạt được như sau:

KHẢNH ĐỊNH NĂNG LỰC TRONG THI CÔNG XÂY LẬP

Toàn Tổng công ty đã tập trung chỉ đạo quyết liệt và nỗ lực phấn đấu nhằm đảm bảo an toàn, chất lượng và tiến độ thi công các dự án, công trình. Hầu hết các công trình đều thi công đạt tiến độ đề ra, đảm bảo chất lượng theo đúng yêu cầu thiết kế.

Trong năm 2010 và đầu năm 2011, Tổng

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của PVC trong năm 2010

Các chỉ tiêu kinh tế	Kế hoạch năm 2010	Thực hiện năm 2010	Tỷ lệ hoàn thành (%)
Giá trị sản lượng	8.000,00	10.088,91	126,11
Tổng doanh thu	7.000,00	8.002,80	114,32
- Tổng doanh thu Công ty mẹ	5.193,00	4.102,27	79,00
Lợi nhuận trước thuế	731,34	943,90	129,24
- Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ	437,00	555,41	127,10
Lợi nhuận sau thuế	642,10	742,30	115,62
- Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	399,00	435,89	109,25
Nộp Ngân sách Nhà nước	248,00	431,64	174,05
Tổng giá trị đầu tư	4.591,56	4.055,39	88,32
Thu nhập bình quân	7,30	8,00	109,59
Tỷ lệ chia cổ tức	15%	15%	100,00

Đơn vị tính: Tỷ đồng



công ty đã thực hiện khởi công nhiều công trình mới như: Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2, Khách sạn Dầu khí Thái Bình, PetroLandmark Tower, Trung tâm thương mại và khách sạn Hạ Long, Khu thương mại, văn phòng, nhà ở cao cấp Vũng Tàu, Nhà máy bê tông dự ứng lực PVC-FECON, Nhà máy sản xuất bao bì Dung Quất, dự án cơ sở hạ tầng Trung tâm điện lực Quảng Trạch, Nhà máy Bio-Ethanol tại Bình Phước, Trung tâm thương mại Bạc Liêu, công trình cơ sở hạ tầng trung tâm điện lực Sông Hậu ...

Tổng công ty cũng đã hoàn thành bàn giao hàng loạt công trình lớn cho Chủ đầu tư đảm bảo tiến độ, chất lượng, điển hình như: hoàn thành việc hoà đồng bộ Tổ máy Tuabin khí GT11 - Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 lên lưới điện quốc gia đồng thời gắn biển công trình chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI; hoàn thành và bàn giao các công trình: Văn phòng Viện Dầu khí, Rạp Kim Đồng; Trụ sở Bộ Nội vụ, Trụ sở Tổng công ty Lương thực miền Bắc; Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, Nhà máy Polypropylene Dung Quất, Trung tâm Tài chính dầu khí Miền Trung...

Về công tác bảo hộ và an toàn lao động: Tổng công ty đã thực hiện theo Hệ thống quản lý An toàn - Sức khỏe - Nghề nghiệp OHSAS 18001:2007. Trong năm 2010, công tác an toàn lao động được đặc biệt quan tâm, vì vậy toàn Tổng công ty đã không để xảy ra vụ tai nạn lao động nghiêm trọng nào. Tổng công ty đã được Bộ Công thương tặng bằng khen của Bộ Công thương về công tác "An toàn sức khỏe môi trường và phòng cháy chữa cháy".

ĐẦU TƯ BỀN VỮNG VÀ HIỆU QUẢ

Trong năm 2010, hoạt động đầu tư của toàn Tổng công ty được tập trung chỉ đạo và triển khai có hiệu quả. Chất lượng từng dự án đầu tư của Tổng công ty không ngừng được nâng cao do được đánh giá và xem xét kỹ lưỡng trước khi quyết định đầu tư, dự án có tính thanh khoản cao, thời gian thu hồi vốn nhanh. Toàn bộ các dự án đều được chủ đầu tư nghiêm túc thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng công ty ban hành.

Trong năm 2010, toàn Tổng công ty đã và đang triển khai trên 120 dự án đầu tư (tăng 171% so với năm 2009), với giá trị tổng mức đầu tư trên 128 nghìn tỷ đồng, thực hiện trong năm đạt trên 4 nghìn tỷ đồng. Nổi bật lên trong số đó có thể kể đến các dự án tiêu biểu như: Nhà máy sản xuất Ống thép Dầu khí (tổng mức đầu tư là 2.175 tỷ đồng); dự án Trung tâm thương mại tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng (1.003 tỷ đồng); dự án Hanoi Times Tower CT10-11 khu đô thị Văn Phú (1454 tỷ đồng)...

Thực hiện chủ trương của Chính phủ về tái cấu trúc Tập đoàn Vinashin, Tổng công ty PVC còn được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tin tưởng, giao nhiệm vụ tiếp nhận, tiếp tục triển khai dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp Tiến Giang đã được Vinashin đầu tư dang dở có quy mô trên 285ha, với giá trị tổng mức đầu tư trên 1.400 tỷ đồng. Ngay sau khi được giao, từ tháng 7/2010 đến nay, Tổng công ty PVC đã và đang tích cực triển khai dự án.

Năm 2010 cũng là năm được Tổng công ty chú trọng đẩy mạnh công tác đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công nhằm thực hiện chiến lược "đi tắt đón đầu", tập trung đầu tư mua sắm các thiết bị thi công mới, hiện đại, các thiết bị thi công chuyên ngành dầu khí đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của các dự án mà PVC tham gia, tiêu biểu như: Máy khoan xiên, máy khoan ngang, máy khoan cọc nhồi vào đá, và nhiều các thiết bị chuyên dùng khác. Giá trị thực hiện đầu tư cho các dự án nâng cao năng lực thi công này của Tổng công ty cả năm đạt trên 570 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư trong và ngoài nước cũng được Tổng công ty đặc biệt quan tâm nhằm tạo tiền đề phát triển trong những năm tiếp theo, cụ thể Tổng công ty đã ký thỏa thuận hợp tác đầu tư với Samsung C&T, Samsung Engineering, Hanshin E&C, Posco Corp, Trường Đại học Xây dựng, Đại học Luật Hà Nội, Tập đoàn Đại Dương...

CÔNG TÁC ĐẦU THẦU, HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Tổng công ty đã bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tập đoàn, chủ động giữ vững thị



trường hiện có, tăng cường công tác tiếp thị đầu thầu để mở rộng và phát triển thị trường.

Trong năm 2010, Công ty Mẹ đã tham gia đấu thầu 25 gói thầu thuộc 18 dự án, với tổng giá trị dự thầu là 6.883 tỷ đồng, Tổng công ty đã trúng 14 gói thầu với tổng giá trị là 3.175 tỷ đồng.

Toàn Tổng công ty đã ký kết 127 hợp đồng kinh tế với chủ đầu tư với tổng giá trị là: 7.459 tỷ, trong đó, công ty Mẹ ký được 20 hợp đồng kinh tế lớn, với tổng giá trị là 4.410 tỷ đồng, trong đó hợp đồng EPC công trình Kho lạnh Thị Vải 1165 tỷ đồng, hợp đồng thi công xây dựng san lấp mặt bằng hoàn thiện Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn 764,317 tỷ đồng, hợp đồng chia khóa trao tay Khách sạn Dầu khí Thái Bình 387,41 tỷ, hợp đồng san lấp mặt bằng dự án Nhà máy điện Quảng Trạch 160,84 tỷ, hợp đồng tổng thầu thi công xây lắp Nhà máy chế tạo ống thép Dầu khí 406,18 tỷ...

Trong năm 2010, Tổng công ty đã sửa đổi và bổ sung Quy chế quản lý hợp đồng kinh tế cho phù hợp với tình hình thực tế; xây dựng được đơn giá nội bộ tại một số công trình trọng điểm.

CÔNG TÁC TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN

Trong năm 2010, Tổng công ty đã thu xếp kịp thời nguồn vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Cụ thể Tổng công ty đã phê duyệt kế hoạch và ký hợp đồng hạn mức tín dụng năm 2010 của toàn Tổng công ty là 1.740 tỷ đồng. Đồng thời triển khai thực hiện hệ thống tài khoản trung tâm nhằm quản lý, điều hòa có hiệu quả dòng tiền trong toàn Tổng công ty.

Chủ động cân đối kịp thời nguồn vốn phục vụ cho hoạt động đầu tư dự án, đầu tư góp vốn và thực hiện phương án tái cấu trúc tổng thể Tổng công ty. Tổng công ty đã đầu tư góp vốn vào các đơn vị thành viên trong đó các Công ty con (gồm 16 đơn vị được sắp xếp phân loại theo lĩnh vực Xây lắp, Sản xuất công nghiệp và Kinh doanh Bất động sản và theo từng vùng miền khác nhau với tổng số vốn đầu tư là 1.788 tỷ đồng) và các công ty liên kết. Thực hiện phương án tái cấu trúc lại

các doanh nghiệp, Tổng công ty đã cơ cấu lại một số khoản đầu tư của Tổng công ty như: Bán bớt phần vốn tại PVA, ICG, Công ty CP Xi măng 12/9, PVIT, ICG, Hòa Cẩm, PVE, PVL thu hồi vốn đầu tư 695 tỷ đồng và đem lại lợi nhuận cho Tổng công ty 354 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, Tổng công ty đã đơn đốc và hỗ trợ 14 đơn vị thành viên thực hiện niêm yết cổ phiếu lên sàn giao dịch chứng khoán. Trong đó có 6 đơn vị là: PVC-MS, PVC-PT, PVC-IC, PVC-MT, Petroland, PVI-Long Sơn niêm yết trên sàn chứng khoán TP HCM; 6 đơn vị là PV Power Land, PVR, PVFCLand, PVC-Vinaconex, PVC-Hồng Hà, PVC-SG niêm yết trên Sàn chứng khoán Hà Nội. Ngoài ra, có Công ty CP Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình (PSB), Công ty CP Xi măng Dầu khí 12/9 niêm yết trên sàn UPCOM.

Công tác thu hồi vốn được Tổng công ty đặc biệt quan tâm, Tổng công ty trực tiếp kiểm điểm từng đơn vị, từng công trình trọng điểm để tháo gỡ các vướng mắc trong công tác nghiệm thu thanh toán.

Công tác kiểm tra, kiểm soát tình hình tài chính và sử dụng vốn từ Công ty Mẹ đến các đơn vị thành viên từng bước được tăng cường. Năm 2010, Tổng công ty đã thành lập Phòng kế toán kiểm toán, sau kiện toàn thành Ban kiểm toán nội bộ thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát tài chính toàn Tổng công ty.

Công tác tổ chức bộ máy kế toán từ Công ty Mẹ đến các đơn vị thành viên được hoàn thiện và kiện toàn phù hợp với mô hình Công ty mẹ - Công ty con. Tổng công ty đã thông qua Quy chế quản lý tài chính cho các Công ty cổ phần mới chuyển đổi; rà soát để sửa đổi một số quy chế quản lý tài chính nội bộ như: Quy chế quản lý phần vốn góp, Quy chế công tác phí... nhằm tăng cường cho công tác quản lý tài chính của Tổng công ty.

TỔ CHỨC, SẮP XẾP VÀ ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP

Trong năm 2010, PVC đã xây dựng phương án tái cấu trúc Tổng công ty theo 3 lĩnh vực hoạt động chính bao gồm: Xây lắp, Sản xuất công



ng nghiệp và Kinh doanh bất động sản, trong đó tập trung đầu tư phát triển 16 công ty con và một số công ty liên kết hoạt động có hiệu quả, triển khai thoái vốn tại 6 Công ty và giảm tỷ lệ sở hữu tại 4 công ty để thu hồi và sử dụng nguồn vốn đầu tư bổ sung vào các dự án đang triển khai.

Trong công tác đổi mới doanh nghiệp, PVC đã triển khai rà soát, đánh giá tổ chức lại các công ty con/công ty liên kết theo hướng tập trung chuyên sâu theo lĩnh vực hoạt động và theo vị trí địa lý; thực hiện phân cấp mạnh, toàn diện nhằm phát huy thế mạnh cũng như tính tự chủ của các công ty con/công ty liên kết. Công tác quản lý đơn vị được thực hiện thông qua việc cử người đại diện quản lý phần vốn tham gia quản lý, điều hành tại các đơn vị, phát huy được vai trò, trách nhiệm, cơ bản đã đáp ứng được nhiệm vụ bảo toàn và phát triển phần vốn đầu tư của PVC, góp phần quan trọng nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD của toàn Tổng công ty.

CHÚ TRỌNG ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

- Tổng công ty hiện có 8.845 CBCNV (chỉ tính Công ty Mẹ và các Công ty con, không bao gồm các Công ty liên kết), trong đó: 9 tiến sỹ, 155 thạc sỹ, 3.608 CBCNV có trình độ đại học, 1.035 CBCNV có trình độ cao đẳng, trung cấp, 3.623 công nhân kỹ thuật và 415 lao động phổ thông.

- Công tác quy hoạch cán bộ đã được các cấp uỷ Đảng đặc biệt quan tâm, công tác bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động được thực hiện đúng các nội dung tại Quy chế quản lý cán bộ của Tập đoàn, Tổng công ty và Quy chế Người đại diện của PVC tại các doanh nghiệp khác, đảm bảo chất lượng.

- Tổng công ty đặc biệt quan tâm đến công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Đến nay, toàn Tổng công ty có trên 480 lao động có chứng chỉ nghề đạt tiêu chuẩn quốc tế. Trong

năm 2010, toàn Tổng công ty cử 7.485 lượt cán bộ, công nhân viên và người lao động đi đào tạo với tổng kinh phí thực hiện trên 17,44 tỷ đồng. Các khoá đào tạo đã được cải tiến, phối hợp chặt chẽ với các Ban chuyên môn, cơ sở đào tạo về nội dung, cũng như phối hợp với các đơn vị thành viên trong công tác tổ chức. Chương trình đảm bảo sự phù hợp, tính thời sự và tổ chức thống nhất trong toàn tổ hợp PVC, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu về chuyên môn, thời lượng và tiết kiệm tối đa chi phí liên quan.

TẬP TRUNG CHO LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Trong năm 2010, Tổng công ty và các đơn vị đã tích cực tham gia phong trào nghiên cứu đề tài/sáng kiến/sáng chế KHCKNT. Tổng số đã có 14 đề tài đăng ký tham gia và 06 đề tài đã được nghiệm thu. Các đề tài đều có tính thực tiễn và ứng dụng cao, đặc biệt đề tài "Quy trình đào tạo hợp cách thợ hàn theo tiêu chuẩn Quốc tế cho Dự án Polyester Đình Vũ" được Giải Ba Hội thi Sáng tạo ngành Dầu khí Việt Nam Lần thứ I. Công tác nghiên cứu khoa học bước đầu đã từng bước hình thành và phát triển tại Tổng công ty và các đơn vị, hướng tới mục tiêu trong giai đoạn phát triển mới 2011-2015 của Tổng công ty với vai trò khoa học công nghệ (KHCKN) là nòng cốt, ứng dụng các thành tựu nghiên cứu vào hoạt động sản xuất kinh doanh, mang lại lợi ích kinh tế, góp phần tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả SXKD trong toàn Tổng công ty.



KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2011

Căn cứ vào kết quả sản xuất năm 2010, Kế hoạch 5 năm 2011-2015 của PVC, Chiến lược phát triển PVC đến năm 2015, định hướng đến năm 2025, căn cứ vào năng lực hiện tại của Tổng công ty, Tổng công ty trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011 như sau:



Các chỉ tiêu kinh tế	Thực hiện năm 2010	Kế hoạch năm 2011	So sánh với năm 2010 (%)
Giá trị sản lượng	10.088,91	20.000,00	198,24
Tổng doanh thu	8.002,80	18.000,00	224,92
- Tổng doanh thu Công ty mẹ	4.102,27	7.666,00	186,87
Lợi nhuận trước thuế	943,90	1.556,00	164,85
- Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ	555,41	800,00	144,04
Lợi nhuận sau thuế	742,30	1.246,00	167,86
- Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	435,89	685,00	157,15
Nộp Ngân sách Nhà nước	431,64	654,00	151,52
Tổng giá trị đầu tư	4.055,39	7.114,06	195,34
Thu nhập bình quân	8,00	9,10	113,75
Tỷ lệ chia cổ tức	15%	17%	113,33

Đơn vị tính: tỷ đồng

Để hoàn thành Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011, Tổng công ty xây dựng các nhóm giải pháp cụ thể trong từng lĩnh vực công tác như sau:

1. CÔNG TÁC TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

- Thực hiện tốt các nghị quyết, chỉ thị của Tổng công ty trong công tác cán bộ, quản lý cán bộ, quy hoạch luân chuyển và điều động cán bộ.

- Hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ; Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn chức danh cho từng vị trí cán bộ; Không ngừng cải tiến phương thức quản lý tại cơ quan Tổng Công ty và các đơn vị thành viên theo hướng: "gọn, nhẹ và chuyên sâu" nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả kinh doanh của Tổng Công ty.

- Đầu năm 2011, PVC đã chuyển nhượng phần vốn của PVC tại một số đơn vị cho các đơn vị thành viên khác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Tổng công ty sẽ tiếp tục rà soát, phân

nhóm các đơn vị theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh, năng lực và địa bàn hoạt động tập trung vào 3 lĩnh vực chính và tiếp tục thoái vốn tại các đơn vị đầu tư ngắn hạn, cơ cấu lại phương án đầu tư vốn của Tổng công ty đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn và thu lợi nhuận về cho Tổng công ty. Dự kiến năm 2011, Tổng công ty PVC sẽ thu gọn các đầu mối các đơn vị còn là 15 công ty con và 03 công ty liên kết.

- Tiếp tục tìm kiếm và thu hút các cổ đông chiến lược có năng lực tài chính, kinh nghiệm phù hợp với lĩnh vực SXKD của Tổng công ty.

- Thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực và giải pháp đột phá về đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn lực; Tiếp tục kiện toàn và bồi dưỡng nghiệp vụ đội ngũ đào tạo từ cơ quan Tổng công ty đến các đơn vị thành viên.

- Tăng cường đào tạo chuyên sâu theo các hình thức khác nhau trong các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty, đặc biệt là quản lý dự án, tổng thầu EPC và tổ chức thi công.



2. CÔNG TÁC TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

- Chủ động thực hiện thu xếp, huy động các nguồn vốn đảm bảo phục vụ kịp thời cho nhu cầu đầu tư, vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty; nâng cao hiệu quả sử dụng cho các dự án đầu tư trọng điểm của Tổng công ty. Tập trung công tác thu hồi vốn tại các công trường lớn của Tổng công ty như: Nghi Sơn, Thái Bình, Nhơn Trạch, PVTex, Ethanol Phú Thọ... và rà soát các khoản công nợ dây dưa, khó đòi và giá trị sản lượng dở dang của các công trình thi công đã lâu nhưng vướng mắc chưa thu hồi được.

- Tập trung vốn đầu tư máy móc thiết bị, nâng cao năng lực SXKD, phấn đấu trở thành một trong những nhà thầu EPC tầm cỡ khu vực và quốc tế.

- Triển khai phương án phát hành tăng vốn điều lệ của Công ty mẹ sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Xây dựng và kiểm soát chặt chẽ kế hoạch chi phí của Tổng công ty, các Ban điều hành nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của Tổng công ty. Kiểm tra và giám sát thường xuyên các hoạt động của các Ban/Trung tâm, đơn vị thành viên nhằm xác nhận tính đúng đắn, trung thực của Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ pháp luật, tính kinh tế, hiệu lực và hiệu quả trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Tổng công ty.

- Tăng cường công tác quản lý vốn đầu tư ra ngoài Tổng công ty thông qua việc minh bạch vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của Người đại diện phần vốn, đặc biệt xử lý những vấn đề liên quan đến lợi ích của Tổng công ty như: Thu cổ tức, thông qua việc tăng vốn điều lệ, sửa đổi điều lệ, định hướng phát triển...

- Tiếp tục chỉ đạo và hỗ trợ các công ty con, công ty liên kết đẩy nhanh tiến độ thực hiện kế hoạch niêm yết cổ phiếu lên sàn chứng khoán, tranh thủ các điều kiện thuận lợi nhằm huy động vốn đáp ứng tối đa cho nhu cầu sản xuất kinh doanh của các đơn vị cũng như toàn Tổng công ty.

3. CÔNG TÁC ĐẦU THẦU VÀ HỢP ĐỒNG KINH TẾ

- Tháng 3/2011, Tổng công ty PVC đã ký kết hợp đồng Tổng thầu EPC xây dựng Nhà máy chính thuộc dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với tổng giá trị hợp đồng là 1,2 tỷ USD. Tổng công ty sẽ tiếp tục tích cực tham gia đấu thầu/xin chỉ định thầu thi công xây dựng các dự án lớn của Tập đoàn như: Dự án Trung tâm nhiệt điện Quảng Trạch, Dự án Nhà máy nhiệt điện Long Phú 1, Dự án Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2, Dự án Nhà máy Lọc hóa Dầu Nghi Sơn, Dự án Đường ống dẫn khí Lô B Ô Môn...

- Trong công tác triển khai ký kết Hợp đồng kinh tế, thực hiện nghiêm túc việc đánh giá năng lực đơn vị thi công, đảm bảo các điều kiện yêu cầu về năng lực máy móc thiết bị thi công, năng lực tài chính, đặc biệt là nhân lực thực hiện.

- Tiếp tục tăng cường triển khai công tác hạch toán kinh tế tại các dự án.

4. CÔNG TÁC ĐẦU TƯ:

- Tập trung đình hoãn, cắt giảm các dự án đầu tư gặp khó khăn trong thu xếp vốn và chưa thực sự cấp bách hoặc kém hiệu quả;

- Đẩy mạnh đầu tư vào lĩnh vực sản xuất công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp phục vụ chuyên ngành Dầu khí;

- Triển khai các thủ tục đầu tư dự án Trung tâm thương mại và Tháp Dầu khí; dự án Trung tâm kỹ thuật đa ngành Nga... và tiếp tục tìm kiếm các dự án đầu tư có hiệu quả.

- Kiểm soát chặt chẽ và tối ưu hóa từng quá trình đầu tư; hoàn thiện quy chế quản lý và phân cấp đầu tư nhằm nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của các đơn vị; Tăng cường công tác kiểm soát đối với các dự án đầu tư bất động sản, đặc biệt là vấn đề vốn đầu tư, đảm bảo không dùng vốn Nhà nước và vốn từ hoạt động Dầu khí.



- Đẩy mạnh hợp tác với các nhà đầu tư trong và ngoài nước;

- Tăng cường nâng cao năng lực thiết bị thi công tiên tiến;

5. CÔNG TÁC ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ TRIỂN KHAI THI CÔNG TẠI CÁC CÔNG TRÌNH

- Nâng cao năng lực kiểm soát thiết kế tại các dự án;

- Tăng cường bộ máy giám sát về chất lượng và tiến độ của Tổng công ty tại các công trình.

- Thực hiện đồng bộ một số nhóm các giải pháp về tổ chức, quản lý, đầu tư phát triển KHCN; thu hút đào tạo và duy trì đội ngũ cán bộ KHCN có trình độ chuyên môn cao đủ khả năng triển khai ứng dụng KHCN, tiếp thu làm chủ công nghệ hiện đại, tiên tiến ở trình độ khu vực và quốc tế, trên cơ sở khắc phục những tồn tại của giai đoạn đã qua, phù hợp với tầm nhìn và chiến lược phát triển chung của Tổng công ty và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

- Hoàn thiện công nghệ cốppha leo, trượt, lõi thang máy theo tiêu chuẩn Doka đảm bảo tạo ra bề mặt bê tông tốt nhất, tiến độ thi công nhanh, chịu được tải trọng lớn, rút ngắn thời gian thi công phù hợp với điều kiện thi công nhà cao tầng tại Việt Nam. Nghiên cứu áp dụng mô hình triển khai hợp đồng EPC tại PVC phục vụ cho các dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, dự án đường ống dẫn khí Lô B Ô Môn...

- Tiếp tục triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 trong toàn Tổng công ty, chuẩn hoá các quy trình, quy định về quản lý, tổ chức thi công, tổ chức công trường, chuẩn hoá đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân...

- Xây dựng và thực hiện theo các chính sách và quy trình HSEQ (sức khoẻ - an toàn - môi trường và chất lượng) đối với toàn bộ các dự án, công trình của Tổng công ty.

6. CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH VÀ AN SINH XÃ HỘI

- Thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với người lao động, đảm bảo tốt chính sách tiền lương, thu nhập bình quân năm 2011 là 9,1 triệu đồng/người/tháng;

- Không ngừng cải thiện điều kiện sống, điều kiện làm việc của toàn thể CBCNV đặc biệt đối với những cán bộ công nhân làm việc trên các công trường.

- Tăng cường công tác đảm bảo an sinh xã hội đối với cán bộ công nhân viên và người lao động. Đảm bảo các quy định về chính sách hỗ trợ, cải thiện nhà ở đối với cán bộ công nhân viên.

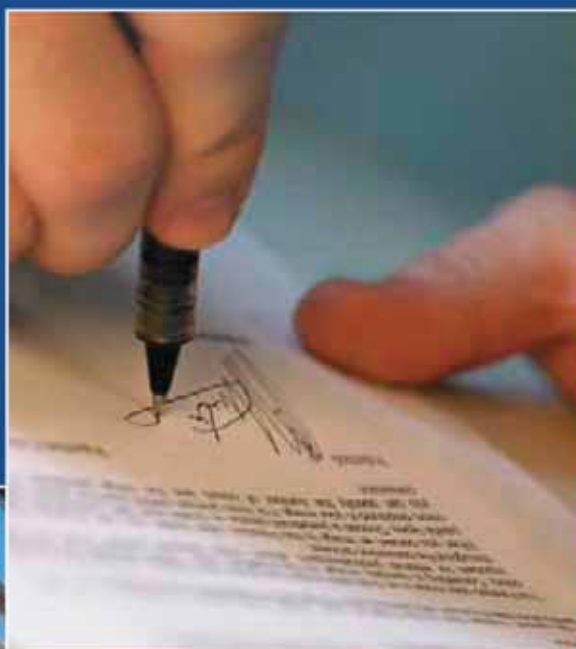
Năm 2011 mở ra rất nhiều những cơ hội thuận lợi và cũng không ít thách thức đối với toàn thể CBCNV Tổng công ty. Với sự quan tâm ủng hộ của Đảng, Nhà nước và chính quyền các địa phương, sự hỗ trợ, chỉ đạo sát sao của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng công ty quyết tâm phát huy tinh thần đoàn kết, chủ động, chung sức chung lòng, sáng tạo nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt kế hoạch SXKD năm 2011, tiếp tục đưa Tổng công ty phát triển bền vững, đóng góp vào sự phát triển chung của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và đất nước.

TỔNG GIÁM ĐỐC

VŨ ĐỨC THUẬN



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

2010



Professional Visionary Creative
CHUYÊN NGHIỆP, TÂM NHÌN, SÁNG TẠO

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 25, Tòa nhà C.E.O, Đường Phạm Hùng,
huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

MỤC LỤC

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	33-34
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	35
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	36-39
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	40
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	41-42
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	43- 80





BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Xuân Thanh	Chủ tịch
Ông Vũ Đức Thuận	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Quý	Ủy viên
Ông Bùi Tiến Thành	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 14 năm 10 năm 2010)
Ông Lê Hồng Thái	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 14 tháng 10 năm 2010)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Đức Thuận	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Chung Dũng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31 năm 12 năm 2010)
Ông Chu Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hữu Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lý Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duyên Hải	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 13 tháng 9 năm 2010)
Ông Nguyễn Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 5 tháng 1 năm 2011)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc độc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

24
G
M
N
T

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



TỔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẬP DÀ LẠT
VIỆT NAM

Vũ Đức Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2011



TỔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẬP DÀ LẠT
VIỆT NAM



Số: 521 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”), từ trang 4 đến trang 48. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Dặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 31 tháng 3 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



Ngô Trung Dũng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0784/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010
MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		7.784.691.074.575	3.590.395.291.251
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.521.462.242.415	474.324.360.398
1. Tiền	111		752.577.242.415	474.324.360.398
2. Các khoản tương đương tiền	112		768.885.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	512.121.623.382	136.553.164.263
1. Đầu tư ngắn hạn	121		542.079.662.558	136.553.164.263
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(29.958.039.176)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.843.648.175.921	1.891.314.648.358
1. Phải thu khách hàng	131		1.335.726.743.034	542.776.979.453
2. Trả trước cho người bán	132		1.364.586.771.573	712.076.510.158
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		324.231.456.035	540.386.947.785
4. Các khoản phải thu khác	135	7	865.252.016.772	113.323.958.622
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(46.148.811.493)	(17.249.747.660)
IV. Hàng tồn kho	140	8	1.653.077.199.979	971.498.962.211
1. Hàng tồn kho	141		1.655.636.586.082	974.295.993.765
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.559.386.103)	(2.797.031.554)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		254.381.832.878	116.704.156.021
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.177.342.170	9.179.692.610
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		115.916.645.701	60.489.535.763
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		836.582.896	31.562.162
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	127.451.262.111	47.003.365.486





BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260+269)	200		4.719.003.694.195	2.058.107.890.029
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.924.138.051	-
1. Phải thu dài hạn khác	218		4.924.138.051	-
II. Tài sản cố định	220		1.881.129.076.939	639.238.913.519
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	634.403.109.549	482.936.540.947
- Nguyên giá	222		875.582.902.998	752.507.852.054
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(241.179.793.449)	(269.571.311.107)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	11	49.303.514.694	6.054.845.056
- Nguyên giá	225		52.282.269.412	6.123.828.270
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.978.754.718)	(68.983.214)
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	112.496.607.935	4.137.084.284
- Nguyên giá	228		114.117.020.672	5.901.507.508
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.620.412.737)	(1.764.423.224)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	1.084.925.844.761	146.110.443.232
III. Bất động sản đầu tư	240	14	181.591.372.527	-
- Nguyên giá	241		183.265.880.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.674.507.473)	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.019.022.011.341	1.160.713.757.842
1. Đầu tư vào công ty con	251	15	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	16	1.086.795.007.423	814.537.363.842
3. Đầu tư dài hạn khác	258	17	934.555.435.319	346.176.394.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(2.328.431.401)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		565.036.158.383	218.623.923.665
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	18	500.424.809.171	213.218.561.553
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	21.706.064.478	1.757.687.888
3. Tài sản dài hạn khác	268		42.905.284.734	3.647.674.224
VI. Lợi thế thương mại	269	20	67.300.936.954	39.531.295.003
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		12.503.694.768.770	5.648.503.181.280

Các thuyết minh từ trang 43 đến trang 80 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010
MÃ SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		7.617.308.073.726	3.612.444.781.746
I. Nợ ngắn hạn	310		6.799.694.215.437	3.206.029.791.120
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	21	2.825.257.446.474	534.857.897.979
2. Phải trả người bán	312		1.397.432.563.849	715.097.375.549
3. Người mua trả tiền trước	313		1.317.226.709.025	1.101.598.052.403
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	22	138.493.444.565	94.767.309.546
5. Phải trả người lao động	315		154.033.862.547	84.690.315.197
6. Chi phí phải trả	316	23	263.639.766.467	291.688.417.953
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	24	694.873.341.600	373.418.963.763
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	6.931.850.582
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		8.737.080.910	2.979.608.148
II. Nợ dài hạn	330		817.613.858.289	406.414.990.626
1. Phải trả dài hạn khác	333		123.448.835.752	-
2. Vay và nợ dài hạn	334	25	602.890.306.876	256.977.777.366
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	19	14.665.844.638	-
4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.923.490.485	2.117.170.886
5. Dự phòng phải trả dài hạn	337		20.676.087.565	7.127.485.925
6. Doanh thu chưa thực hiện	338		54.009.292.973	140.192.556.449
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		2.920.900.450.172	1.753.184.259.615
I. Vốn chủ sở hữu	410	26	2.920.900.450.172	1.753.184.259.615
1. Vốn điều lệ	411		2.500.000.000.000	1.500.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.784.109.156	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		3.063.276.244	802.387.370
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	(299.729.878)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(15.676.965.928)	-
6. Quỹ đầu tư phát triển	417		28.447.405.122	19.721.668.469
7. Quỹ dự phòng tài chính	418		19.133.566.885	8.744.081.369
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		544.719.133	455.000.000
9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		382.604.339.560	223.760.852.285
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		1.965.486.244.872	282.874.139.919
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		12.503.694.768.770	5.648.503.181.280

Handwritten signature or stamp in red ink.



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	Đơn vị	31/12/2010	31/12/2009
Nợ khó đòi đã xử lý	VND	9.716.217.233	9.667.586.524
Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, gia công hộ	VND	51.156.113	-
Ngoại tệ các loại:			
- USD	USD	845.697	1.956.663
- EUR	EUR	8	-



Vũ Đức Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Thanh Sơn
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		7.297.822.551.714	4.073.121.796.355
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.217.402.354	1.007.521.526
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	27	7.295.605.149.360	4.072.114.274.829
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	6.283.536.600.817	3.653.617.159.919
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		1.012.068.548.543	418.497.114.910
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	388.839.357.437	128.031.189.157
7. Chi phí tài chính	22	30	161.041.569.311	37.601.438.742
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>114.058.654.438</i>	<i>29.079.224.223</i>
8. Chi phí bán hàng	24		9.374.897.805	4.608.384.336
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		554.237.337.511	266.071.307.750
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		676.254.101.353	238.247.173.239
11. Thu nhập khác	31	31	188.957.445.926	34.276.559.289
12. Chi phí khác	32		50.706.736.869	7.684.657.663
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		138.250.709.057	26.591.901.626
14. Lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh	45		129.399.588.294	12.803.715.425
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		943.904.398.704	277.642.790.290
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	206.842.127.864	50.438.535.289
17. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	32	(5.239.733.325)	(1.757.687.888)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		742.302.004.165	228.961.942.889
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		155.747.602.032	21.442.449.078
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		586.554.402.133	207.519.493.811
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	2.903	1.383

10/11/11

PVC - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010



Vũ Đức Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2011



Nguyễn Thanh Sơn
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 43 đến trang 80 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2010	2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	943.904.398.704	277.642.790.290
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	90.247.912.447	76.494.075.329
Các khoản dự phòng	03	60.754.208.558	(1.292.067.756)
(Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(1.184.993.047)	(63.633.655)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(362.099.963.726)	(73.773.990.000)
Chi phí lãi vay	06	114.058.654.438	29.079.224.223
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	845.680.217.374	308.086.398.431
(Tăng) các khoản phải thu	09	(750.016.782.363)	(931.933.144.500)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(513.396.066.885)	(54.659.830.422)
Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.102.611.101.190	1.040.631.301.234
(Tăng) chi phí trả trước và tài sản khác	12	(202.764.167.420)	(12.170.988.973)
Tiền lãi vay đã trả	13	(150.183.162.293)	(17.991.537.956)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(175.568.739.787)	(11.845.792.452)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	47.523.318.719	19.518.364.331
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(38.693.809.784)	(2.513.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	1.165.191.908.751	337.121.769.693
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.246.169.559.400)	(267.661.191.248)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	34.266.956.392	34.876.089
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(471.232.528.890)	(58.389.201.139)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	280.207.507.439	5.966.257.791
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.892.160.443.738)	(886.824.121.977)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	73.439.206.947	51.036.591.478
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	253.052.331.620	156.905.290.878
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(2.968.596.529.630)	(998.931.498.128)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của các cổ đông	31	1.002.784.109.156	354.791.546.412
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	4.108.357.573.913	1.311.072.302.493
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.860.599.180.173)	(1.028.416.789.657)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	(400.000.000.000)	(53.673.286.836)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	2.850.542.502.896	583.773.772.412
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	1.047.137.882.017	(78.035.956.023)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	474.324.360.398	552.360.316.421
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60)	70	1.521.462.242.415	474.324.360.398

Các thuyết minh từ trang 43 đến trang 80 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong năm không bao gồm số tiền 437.197.219.245 VND (năm 2009 là 160.368.748.013 VND), là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong năm không bao gồm số tiền 104.347.670.064 VND (năm 2009 là 0 VND), là giá trị tài sản đánh giá tăng lên so với giá trị ban đầu và ghi nhận vào Thu nhập khác. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần lãi từ hoạt động đầu tư.



Vũ Đức Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2011



Nguyễn Thanh Sơn
Kế toán trưởng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") được thành lập tại Việt Nam, tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam theo Quyết định số 532/QĐ-TTTCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 150.000.000.000 VND, trong đó vốn Nhà nước là 135.051.750.000 VND, chiếm 90,03%.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là "Petro Việt Nam") đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103021423 ngày 20 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 9 ngày 5 tháng 7 năm 2010.

Ngày 19 tháng 08 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chính thức chấp thuận cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu PVX.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 9 ngày 5 tháng 7 năm 2010, tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 2.500.000.000.000 VND, được chia thành 250.000.000 cổ phần (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 1.500.000.000.000 VND được chia thành 150.000.000 cổ phần), trong đó vốn Nhà nước do Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam nắm giữ là 1.030.222.220.000 VND, chiếm 41,21% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 866.518.500.000 VND, chiếm 57,77%), còn lại là các cổ đông khác.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 8.845 người (31 tháng 12 năm 2009: 6.266 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Gia công chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan và các kết cấu kim loại khác; thiết kế, chế tạo các bồn chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống ống công nghệ; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, bảo dưỡng và sửa chữa các chân đế giàn khoan, tàu thuyền và các phương tiện nổi; gia công ren ống, sản xuất khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí, công nghiệp.
- Kinh doanh vật tư thiết bị xây dựng dầu khí; khảo sát, thiết kế, tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp vừa và nhỏ; đầu tư, xây dựng các dự án hạ tầng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp; kinh doanh nhà ở và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật; san lấp mặt bằng; xây dựng các công trình thủy lợi, đê kè bến cảng.
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện đến 35KV, các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác.
- Khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài biển và trên đất liền), các công trình dân dụng và công nghiệp; sản xuất và kinh doanh bê tông thương phẩm; đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý chợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng giao thông, xây dựng đô thị, văn phòng, nhà ở, xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê kè, cảng sông, cảng biển, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp, kinh doanh đô thị và văn phòng, siêu thị và nhà ở.
- Đầu tư xây dựng, các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí; các nhà máy đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất, nhà máy đóng giàn khoan; các nhà máy xi măng và sản xuất vật liệu xây dựng.
- Đầu tư công nghệ cao trong lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng; lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài khơi và trên biển), các chân đế khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hoá lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ, các công trình dân dụng và công nghiệp; tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dầu khí, công trình dân dụng và công nghiệp.
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất; đóng giàn khoan đất liền, ngoài biển; chế tạo cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển; chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nối, khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp; thi công xây dựng các công trình dầu khí (trên bờ, ngoài biển) các công trình công nghiệp và dân dụng, cảng sông, cảng biển; thi công các công trình giao thông, thủy lợi; sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí...); sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, các vật liệu xây dựng, khoan, phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí); vận chuyển dầu và khí hoá lỏng, hoá chất; kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; thương mại và dịch vụ tổng hợp.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật thí nghiệm và mẫu cơ, lý, hóa, vật liệu xây dựng; kinh doanh lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy; đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình hầm đường bộ.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là xây lắp và kinh doanh bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Tổng Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

PHẦN 2 - 2.1.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Dầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2010
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 7
Thiết bị văn phòng	3 - 7
Tài sản khác	3 - 7

BỘ CÔNG THƯƠNG

PVC - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	2010
	Số năm
Máy móc, thiết bị	8 - 12
Phương tiện vận tải	3 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Giá trị quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao. Cụ thể:

- Quyền sử dụng 1.218 m² đất lâu dài và 307,6 m² đất với thời hạn sử dụng là 34 năm tại ấp Gò Lức, xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang và 3.570,9 m² đất với thời hạn sử dụng là 32 năm tại số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thăng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Quyền sử dụng với thời hạn sử dụng là 50 năm thừa đất số 11 tại đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với diện tích là 5.104,4 m²; thừa đất số 10 và 215 đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với diện tích là 8.070,6 m² và thừa đất số 108 tại 242 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thăng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với diện tích là 4.011,7 m².

Phần mềm máy tính và chi phí xây dựng trang web

Giá trị phần mềm máy tính và chi phí xây dựng trang web và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính và chi phí xây dựng trang web được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 20 năm. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, hạ tầng và văn phòng, chi phí phân bổ gián giáo cấp pha, lợi thế kinh doanh, chi phí trả trước về chi phí bán căn hộ và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất, hạ tầng và văn phòng thể hiện số tiền thuê đã được trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Giàn giáo cấp pha được trình bày theo nguyên giá trừ đi phần giá trị đã phân bổ lũy kế. Giàn giáo cấp pha được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 năm đến 6,5 năm.

Lợi thế kinh doanh bao gồm giá trị lợi thế địa lý tại số 8 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và số 23 đường Hùng Vương, thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh và giá trị thương hiệu được ghi nhận dựa trên Biên bản xác định giá trị theo phương pháp tài sản do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt thực hiện. Tổng Công ty chưa phân bổ phần lợi thế kinh doanh trong năm. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc chưa phân bổ này là phù hợp và đảm bảo tính thận trọng của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện tại. Lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp khi góp vốn vào các công ty con được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 3 năm.

Chi phí trả trước về chi phí bán căn hộ qua Sàn giao dịch Bất động sản - Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam (dự án Petrovietnam Landmark tại phường An Phú, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh) được phân bổ tương ứng theo tỷ lệ doanh thu được ghi nhận trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn (Tiếp theo)

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ các tài khoản này, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành TSCĐ của doanh nghiệp mới thành lập, được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Khi công trình xây dựng nhà xưởng, văn phòng của Tổng Công ty hoàn thành, toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh thực tế lũy kế được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, phần chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại lũy kế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian 5 năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

PHẦN THỰC HIỆN



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền mặt	17.929.185.302	18.708.426.465
Tiền gửi ngân hàng	734.648.057.113	455.615.933.933
Các khoản tương đương tiền (i)	768.885.000.000	-
	1.521.462.242.415	474.324.360.398

(i) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền ủy thác quản lý vốn tại Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam và các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng Thương mại khác có kỳ hạn từ một đến ba tháng, lãi suất từ 9%/năm đến 14%/năm.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác (i)	542.079.662.558	136.553.164.263
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(29.958.039.176)	-
	512.121.623.382	136.553.164.263

(i) Đầu tư ngắn hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 thể hiện các khoản đầu tư vào các công ty sau:

	31/12/2010
	VND
Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí (Petrowaco)	34.318.113.699
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí (PVE)	16.497.220.000
Công ty Cổ phần Thiết kế Worleypasons Dầu khí Việt Nam	1.120.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp khí (PVID)	50.843.200.000
Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác cảng Phước An (PAP)	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)	53.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (PVSB)	118.510.550.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn khác	37.832.539.683
	512.121.623.382

Theo Biên bản số 334/BB-DKVN ngày 17 tháng 02 năm 2011 của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam về việc tái cơ cấu Tập đoàn, Tổng Công ty sẽ thực hiện chuyển nhượng phần vốn góp của Tổng Công ty tại các công ty này trong năm tới.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí (IDICO Long Sơn) (i)	304.707.415.833	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang (PVIN) (ii)	140.660.487.797	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An (PVNC) (iii)	97.232.849.077	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland) (iv)	60.874.469.227	-
Tiền mua cổ phần Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam (PVR) (v)	48.124.800.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) (vi)	40.814.222.268	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam (PVFC Land) (vii)	35.214.000.000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí	10.000.000.000	-
Phải thu nhà thầu phụ thi công	8.889.983.378	-
Phải thu Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	2.008.154.052	2.008.154.052
Phải thu Kho bạc Nhà nước huyện U Minh	1.387.186.565	1.387.186.565
Đền bù GPMB Khu công nghiệp Hoàng Mai	-	20.523.420.403
Phải thu khác	115.338.448.575	89.405.197.602
	865.252.016.772	113.323.958.622

- (i) Khoản tiền Tổng Công ty thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí (IDICO Long Sơn) cho Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) theo Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010, mục đích để IDICO Long Sơn nhận chuyển nhượng cổ phần của PVFC tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Phú Đạt.
- (ii) Khoản tiền Tổng Công ty thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang (PVIN) cho Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) theo Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010, mục đích để PVIN nhận chuyển nhượng cổ phần của PVFC tại Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng.
- (iii) Khoản tiền Tổng Công ty thanh toán hộ Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An (PVNC) cho Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) theo Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010, mục đích để PVNC nhận chuyển nhượng cổ phần của PVFC tại Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí 12/9 với số tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 22.855.216.971 VND và khoản tiền nhận chuyển nhượng cổ phần của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí 12/9 với số tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 74.377.632.106 VND).
- (iv) Khoản tiền Tổng Công ty thanh toán hộ Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland) cho Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) theo Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010, mục đích để Petroland nhận chuyển nhượng cổ phần của PVFC tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang.
- (v) Khoản tiền Tổng Công ty mua 4.374.982 cổ phần Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam (PVR) nhưng chưa về đến tài khoản của PVR.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
MÃ SỐ B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo
7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (Tiếp theo)

- (vi) Khoản tiền Tổng Công ty thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) cho Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) theo Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010, mục đích để PVC-SG nhận chuyển nhượng cổ phần của PVFC tại Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng với số tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 40.677.599.566 VND; và khoản tiền Tổng Công ty thanh toán cho các nhà thầu phụ tại công trình Cảng đạm Phú Mỹ phải thu lại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) với số tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 136.622.702 VND.
- (vii) Khoản đầu tư mua lại dự án của Công ty Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam theo các Hợp đồng sau:
- Hợp đồng nguyên tắc về việc chuyển nhượng Dự án Tổ hợp thương mại - dịch vụ của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam tại Thanh Hóa. Công ty Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam sẽ chuyển nhượng lại cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH), là công ty con của Tổng Công ty, bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất. Giá trị chuyển nhượng dự án (tạm tính) là 303.697.148.600 VND. PVC-TH mới chuyển khoản 20.000.000.000 VND theo điều khoản tạm ứng hợp đồng.
 - Hợp đồng nguyên tắc về việc chuyển nhượng tòa nhà Trụ sở văn phòng đại diện của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam tại Thanh Hóa. Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam chuyển nhượng lại dự án tại 38A Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH), là công ty con của Tổng Công ty. Giá chuyển nhượng (tạm tính) là 76.083.383.433 VND. PVC-TH đã tạm ứng 15.214.000.000 VND tiền mua dự án theo hợp đồng.

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	83.552.463.680	41.763.538.308
Công cụ, dụng cụ	4.347.035.628	2.596.633.700
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.386.863.387.694	909.866.917.486
Thành phẩm	32.791.124.230	6.804.188.576
Hàng hóa	145.162.818.659	13.264.715.695
Hàng gửi đi bán	2.919.756.191	-
	<u>1.655.636.586.082</u>	<u>974.295.993.765</u>
Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.559.386.103)	(2.797.031.554)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>1.653.077.199.979</u>	<u>971.498.962.211</u>

Trong năm, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 2.559.386.103 VND (năm 2009: 2.797.031.554 VND).

Trong năm, Tổng Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 2.797.031.554 VND (năm 2009: 0 VND).

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Tạm ứng	93.620.100.057	46.606.963.169
Các khoản cầm cố, ký quỹ ký cược ngắn hạn	33.617.693.743	329.853.057
Tài sản thiếu chờ xử lý	213.468.311	66.549.260
	<u>127.451.262.111</u>	<u>47.003.365.486</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN/HN

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÀ						
Tại ngày 01/01/2010	87.730.382.245	448.867.330.873	172.000.077.167	32.224.963.353	11.685.098.416	752.507.852.054
Tăng do mua sắm	47.493.161.828	161.139.390.563	45.205.413.238	29.826.953.199	415.918.409	284.080.837.237
Xây dựng cơ bản hoàn thành	24.100.096.141	170.625.000	16.222.502.165	-	-	40.493.223.306
Tăng do hợp nhất các công ty con	12.854.291.551	10.320.935.661	41.197.459.702	1.203.205.195	169.727.400	65.745.619.509
Thanh lý, nhượng bán	(37.826.987.051)	(34.035.365.662)	(16.107.938.227)	-	-	(87.970.290.940)
Đánh giá lại giá trị tài sản (i)	20.536.549.121	5.609.102.083	5.357.179.291	(979.985.423)	1.042.672.098	31.565.517.170
Giảm do không hợp nhất công ty con (ii)	(61.625.938.816)	(90.670.410.057)	(41.319.720.584)	(7.246.015.367)	(9.977.770.514)	(210.839.855.338)
Phân loại lại	-	-	(524.744.250)	524.744.250	-	-
Tại ngày 31/12/2010	93.261.555.019	501.401.608.461	222.030.228.502	55.553.865.207	3.335.645.809	875.582.902.998
KHÁU HAO LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2010	48.958.322.642	144.529.372.456	53.039.306.869	19.446.224.099	3.598.085.041	269.571.311.107
Trích khấu hao trong năm	4.871.904.444	47.731.293.896	25.137.076.069	7.457.294.887	434.370.318	85.631.939.614
Tăng do hợp nhất các công ty con	13.460.135.702	1.605.392.997	11.724.519.678	1.946.844.505	3.516.735	28.740.409.617
Thanh lý, nhượng bán	(17.154.552.526)	(4.047.051.686)	(2.282.789.266)	-	-	(23.484.393.478)
Phân loại lại	-	-	(40.076.573)	40.076.573	-	-
Giảm do không hợp nhất công ty con (ii)	(35.542.659.986)	(55.823.947.787)	(19.415.037.547)	(6.655.587.496)	(1.842.240.595)	(119.279.473.411)
Tại ngày 31/12/2010	14.593.150.276	133.995.059.876	68.162.999.230	22.234.852.568	2.193.731.499	241.179.793.449
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2010	78.668.404.743	367.406.548.585	153.867.229.272	33.319.012.639	1.141.914.310	634.403.109.549
Tại ngày 31/12/2009	38.772.059.603	304.337.958.417	118.960.770.298	12.778.739.254	8.087.013.375	482.936.540.947

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
MÃU SỐ B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo
10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)

(i) Chênh lệch do đánh giá lại giá trị tài sản cố định hữu hình khi góp vốn vào các công ty con theo hồ sơ đánh giá lại tài sản của Công ty định giá độc lập và theo các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty, trong đó:

Công ty Cổ phần	Số tiền VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Dầu khí	3.695.572.076
Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí	3.423.854.042
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	18.201.927.309
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	2.991.227.512
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	3.032.452.118
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí	220.484.113
	31.565.517.170

(ii) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010, Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí 12/9 (PVC 12/9), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Nghệ An, Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và Thiết kế Dầu khí (PVE), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn không còn là công ty con của Tổng Công ty.

Tổng Công ty đã thế chấp một số máy móc, thiết bị có tổng nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 208.309.033.935 VND (31 tháng 12 năm 2009 là 190.930.384.000 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 17.375.833.294 VND (31 tháng 12 năm 2009: 6.804.000.000 VND).

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2010	-	6.123.828.270	6.123.828.270
Thuê tài chính trong năm	41.239.045.817	4.919.395.325	46.158.441.142
Tại ngày 31/12/2010	41.239.045.817	11.043.223.595	52.282.269.412
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2010	-	68.983.214	68.983.214
Khấu hao trong năm	1.622.354.527	1.287.416.977	2.909.771.504
Tại ngày 31/12/2010	1.622.354.527	1.356.400.191	2.978.754.718
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2010	39.616.691.290	9.686.823.404	49.303.514.694
Tại ngày 31/12/2009	-	6.054.845.056	6.054.845.056



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Tài sản khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2010	1.077.564.715	-	4.668.235.174	155.707.619	5.901.507.508
Tăng do mua sắm	-	25.000.000	4.083.786.500	-	4.108.786.500
Tăng do hợp nhất các công ty con (i)	49.101.250.000	-	522.614.980	22.624.687	49.646.489.667
Đánh giá lại giá trị tài sản (ii)	58.272.681.193	-	-	-	58.272.681.193
Tăng khác	430.488.807	-	85.262.150	-	515.750.957
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.172.487.534)	(155.707.619)	(4.328.195.153)
Tại ngày 31/12/2010	108.881.984.715	25.000.000	5.187.411.270	22.624.687	114.117.020.672
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2010	-	-	1.705.470.521	58.952.703	1.764.423.224
Khấu hao trong năm	798.984.700	3.063.333	397.327.956	-	1.199.375.989
Tăng do hợp nhất các công ty con (i)	-	-	205.041.092	22.624.687	227.665.779
Tăng khác	-	-	23.790.126	-	23.790.126
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.535.889.678)	(58.952.703)	(1.594.842.381)
Tại ngày 31/12/2010	798.984.700	3.063.333	795.740.017	22.624.687	1.620.412.737
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2010	108.083.000.015	21.936.667	4.391.671.253	-	112.496.607.935
Tại ngày 31/12/2009	1.077.564.715	-	2.962.764.653	96.754.916	4.137.084.284

- (i) Tăng do hợp nhất tài sản cố định của các công ty con được hợp nhất trong năm 2010.
- (ii) Chênh lệch do đánh giá lại giá trị tài sản cố định vô hình khi góp vốn vào các công ty con theo hồ sơ đánh giá lại tài sản của Công ty định giá độc lập và theo các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty, trong đó:

Công ty Cổ phần	Số tiền VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Dầu khí	43.106.211.193
Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí	15.166.470.000
	58.272.681.193

PVC - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010

PVC - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
MÃU SỐ B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo
13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
- Dự án CT10-11 Văn Phú (i)	392.004.404.065	-
- Dự án chung cư Nam An Khánh	92.640.484.166	-
- Nhà máy Chè tạo ống thép tại Khu công nghiệp và dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, tỉnh Tiền Giang (ii)	92.198.400.000	-
- Dự án khách sạn Lam Kinh	82.673.030.180	-
- Sân công tác ngoài khơi tự nâng thủy lực được mô đun hoá loại RCP-250 (iv)	85.211.595.678	-
- Khu phức hợp chung cư cao ốc văn phòng tại số 2, Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (iv)	80.982.673.793	2.834.450.167
- Dự án Tổ hợp căn hộ và dịch vụ chung cư CT 15 - Việt Hưng (iii)	33.424.128.524	-
- Dự án 10 ha tại Nghi Sơn	25.616.285.528	-
- Nhà máy sản xuất bao bì	21.625.779.184	-
- Đầu tư mua ba máy bơm tĩnh điện	21.466.510.659	-
- Chi phí xây dựng dự án Nhà máy của PVC-ME1	10.196.740.187	-
- Dự án Khu du lịch Hồ Suối Hai	9.996.420.458	-
- Dự án Tiền Giang	8.485.493.496	7.854.449.405
- Dự án bất động sản Diamond Building	7.218.181.818	-
- Dự án Trung tâm thương mại tài chính, văn phòng và khách sạn thuộc Khu trung tâm Cột đồng hồ, thành phố Hạ Long	6.102.808.910	-
- Khu mỏ đá Nghi Sơn - Thanh Hóa	5.968.503.576	-
- Dự án 157 ha tại Nghi Sơn	5.711.433.239	-
- Công trình khu đô thị Đại học Dầu khí	3.883.984.985	-
- Căn trực bánh xích	2.366.050.091	-
- Bãi cãng chè tạo kết cấu kim loại và thiết bị dầu khí tại khu căn cứ dịch vụ hàng hải dầu khí Sao Mai Bến Đình, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	2.049.575.639	-
- Khu Công nghiệp Hoàng Mai	-	68.410.354.292
- Ban quản lý Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí 12/9	-	21.240.728.825
- Xưởng cơ khí vật liệu xây dựng Quảng Ngãi	-	12.124.202.438
- Các công trình, dự án khác	95.103.360.585	33.646.258.105
	<u>1.084.925.844.761</u>	<u>146.110.443.232</u>

- (i) Dự án CT10-11 thuộc Tổ hợp chung cư cao tầng và dịch vụ thương mại Văn Phú, Khu đô thị mới Văn Phú, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Tổng Công ty đã nhận chuyển nhượng dự án từ Công ty Cổ phần Dầu từ Văn Phú - Invest theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền phát triển dự án số 55/2010/VPI-PVR ngày 27 tháng 9 năm 2010 với diện tích 7.023 m² xây dựng chung cư kết hợp Trung tâm thương mại. Theo Nghị quyết số 741/NQ-PVR-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 9 năm 2010, tổng vốn đầu tư dự kiến là 1.454,5 tỷ VND. Hiện tại, Tổng Công ty đang trong giai đoạn chuẩn bị triển khai dự án, do vậy chưa phân định rõ diện tích để bán và diện tích kinh doanh thương mại. Theo đó, Tổng Công ty phân ánh toàn bộ chi phí phát sinh trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang".



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (Tiếp theo)

- (ii) Thể hiện chi phí đầu tư xây dựng Nhà máy và toàn bộ dây chuyền chế tạo ống thép tại Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp thuộc xã Gia Thuận, thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Tổng Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị trên để đảm bảo cho khoản tiền vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 8 thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 0268/2010/HDTD ngày 12 tháng 11 năm 2010.
- (iii) Dự án xây dựng chung cư để bán tại khu đô thị mới Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội: Ngày 11 tháng 12 năm 2009, Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam (PVR), là công ty con của Tổng Công ty, đã ký Hợp đồng liên danh với Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Land và Công ty TNHH Đầu tư NNP về việc tham gia đấu thầu và thực hiện đầu tư Dự án Tổ hợp căn hộ và dịch vụ chung cư CT15 - Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. PVR được ủy quyền làm đại diện liên danh, chịu trách nhiệm trước bên mời thầu về mọi công việc, mọi giao dịch có liên quan đến việc thực hiện gói thầu. Dự kiến tổng mức đầu tư toàn dự án là 560,727 tỷ VND và Công ty cam kết góp 20% vốn của dự án, tương đương 112,145 tỷ VND trong đó vốn tự có là 30% và 70% là vốn vay từ các ngân hàng và tổ chức tín dụng. Ngày 30 tháng 12 năm 2009, Sở Tài chính thành phố Hà Nội đã có Quyết định số 6696/QĐ-STC về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng nhà chung cư tại lô đất CT15 - khu đô thị mới Việt Hưng, phường Giang Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội với diện tích 8.847 m² cho liên danh các công ty: Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam, Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Land và Công ty TNHH Đầu tư NNP. Hiện tại, PVR đang trong giai đoạn chuẩn bị triển khai dự án, do vậy chưa phân định rõ diện tích để bán và diện tích kinh doanh thương mại. Theo đó, Tổng Công ty phản ánh toàn bộ chi phí phát sinh trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang".
- (iv) Tổng Công ty đã thế chấp công trình "Sàn công tác ngoài khơi tự nâng thủy lực được mô đun hoá loại RCP-250" với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 85.211.595.678 VND và công trình Khu phức hợp chung cư cao ốc văn phòng tại số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thăng Nhất, thành phố Vũng Tàu với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 80.982.673.793 VND (31 tháng 12 năm 2009: 2.834.450.167 VND) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2010	-	-	-
Tăng trong năm (i)	20.945.880.000	162.320.000.000	183.265.880.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Tại ngày 31/12/2010	20.945.880.000	162.320.000.000	183.265.880.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2010	-	-	-
Chuyển sang Công ty Cổ phần	1.167.682.133	-	1.167.682.133
Khấu hao trong năm	506.825.340	-	506.825.340
Tại ngày 31/12/2010	1.674.507.473	-	1.674.507.473
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2010	19.271.372.527	162.320.000.000	181.591.372.527
Tại ngày 31/12/2009	-	-	-

(i) Bất động sản đầu tư tăng trong năm chủ yếu bao gồm:

- Mua khách sạn Riverside Đà Nẵng gồm 13 tầng và trang thiết bị máy móc gắn liền theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 61,4 tỷ đồng và tài sản gắn liền giá trị 18,6 tỷ đồng. Tổng Công ty đã nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền được cấp bởi Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng ngày 9 tháng 7 năm 2010.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
MẪU SỐ B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo
14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (Tiếp theo)

- Mua quyền sử dụng lô đất 5.000 m² theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 24 tháng 6 năm 2010, giá trị quyền sử dụng đất được chuyển nhượng là 100 tỷ đồng. Tổng Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp bởi Ủy ban nhân dân quận Sơn Trà ngày 25 tháng 8 năm 2010.
- Các chi phí khác có liên quan đến các giao dịch trên.

Tổng Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất do đây là quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Tổng Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 162.320.000.000 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương theo Hợp đồng số 57/2010/HĐTD1-OCEANBANK06 ngày 10 tháng 7 năm 2010.

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	Đà Nẵng	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN) (i)	Hà Nội	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME) (i)	Hà Nội	40%	40%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC-Mekong) (i)	Cần Thơ	50%	50%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Dầu khí (PV Machino) (i)	Hà Nội	36%	36%	Kinh doanh máy móc và thiết bị
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam (PVR) (i)	Quảng Ninh	36%	36%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
Công ty Cổ phần xây lắp dầu khí Thanh Hóa (PVC-Thanh Hóa) (i)	Thanh Hóa	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC Land) (i)	Hà Nội	50%	50%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
Công ty Cổ phần Sản xuất ống thép Dầu khí (PV Pipe)	Tiền Giang	52%	75%	Sản xuất công nghiệp





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)

(i) Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù sở hữu nhỏ hơn và bằng 50% vốn góp tại Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội, Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí, Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí, Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Dầu khí, Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa và Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát các công ty này bằng quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động; giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm; hỗ trợ về công việc, các hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính. Theo Nghị quyết số 1928/NQ-DKVN ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc: Thông qua chủ trương thực hiện Phương án tái cấu trúc tổng thể Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty duy trì các công ty này là nhóm các công ty con thuộc lĩnh vực sản xuất công nghiệp, xây lắp và kinh doanh bất động sản. Các công ty nói trên được xác định là công ty con và được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh	1.027.824.350.202	828.426.885.636
Lợi thế thương mại	(35.476.879.226)	(39.531.295.003)
Lợi nhuận lũy kế từ công ty liên kết, liên doanh	94.447.536.447	25.641.773.209
	<u>1.086.795.007.423</u>	<u>814.537.363.842</u>

Thông tin chi tiết về một số công ty liên kết, liên doanh chủ yếu của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Tổng tài sản	6.948.330.068.712	4.399.275.709.060
Tổng công nợ	3.672.735.229.498	1.795.202.413.413
Tài sản thuần	3.275.594.839.214	2.604.073.295.647
Phần tài sản thuần đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	<u>1.086.795.007.423</u>	<u>814.537.363.842</u>
	<u>2010</u>	<u>2009</u>
	VND	VND
Doanh thu	2.636.276.689.820	607.474.950.863
Lợi nhuận thuần	542.107.631.416	82.017.258.468
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	<u>68.805.763.238</u>	<u>12.803.715.425</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
MẪU SỐ B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo
16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH (Tiếp theo)

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí	Hồ Chí Minh	30%	30%	Đầu tư xây dựng và KD hạ tầng kỹ thuật
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim - PVC	Hà Nội	44%	44%	Thiết kế quy hoạch tổng thể mặt bằng
Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí Việt Nam	Hà Nội	26%	26%	Kinh doanh, thi công bảo dưỡng thiết bị cơ điện
Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí	Hà Nội	31%	31%	Kinh doanh dịch vụ tư vấn bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC	Hà Nội	20%	20%	Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp
Công ty liên doanh VIETUBES	Hà Nội	30%	30%	Sản xuất ống phục vụ trong lĩnh vực
Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí Việt Nam	Hồ Chí Minh	30%	30%	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Bê tông Dự ứng lực PVC - FECON	Hà Nội	25%	25%	Sản xuất công nghiệp
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Thái Bình	Thái Bình	39%	39%	Kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Hà Nội	36%	36%	Thiết kế và thi công các công trình xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	Bắc Ninh	19%	23%	Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Dầu tư dài hạn khác (i)	934.555.435.319	346.176.394.000
	<u>934.555.435.319</u>	<u>346.176.394.000</u>

(i) Trong đó, một số khoản đầu tư dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 chủ yếu như sau:

- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long với số tiền 147.300.000.000 VND tương đương 15% vốn điều lệ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 147.300.000.000 VND, tương đương 15% vốn điều lệ).
- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí IDICO Long Sơn với số tiền 136.068.065.000 VND, tương đương 16% vốn điều lệ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 120.000.000.000 VND, tương đương 14,51% vốn điều lệ).
- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power Land) với số tiền 86.100.000.000 VND, tương đương 14% vốn điều lệ.
- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam với số tiền 62.125.000.000 VND, tương đương 17,75% vốn điều lệ.
- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Sông Hồng với số tiền 33.700.000.000 VND, tương đương 11,23% vốn điều lệ.
- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc với số tiền 23.500.000.000 VND, tương đương 15,67% vốn điều lệ.
- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao Sopewaco với số tiền 10.200.000.000 VND tương đương 17,63% vốn điều lệ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 10.200.000.000 VND, tương đương 17,63% vốn điều lệ).
- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sông Hồng với số tiền 2.447.988.800 VND, tương đương 1,22% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 13.500.000.000 VND, tương đương 9% vốn điều lệ).
- Đầu tư dài hạn khác của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang. Công ty đã góp vốn bằng tiền là 11,3 tỷ VND từ ngày 19 tháng 8 năm 2010, tỷ lệ vốn góp của Công ty chiếm 3,77% tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang.

18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Chi phí trả trước về thuê văn phòng	151.110.882.795	140.583.974.818
Chi phí trả trước cho công cụ, dụng cụ, lán trại	130.386.015.633	72.634.586.735
Hạ tầng cho thuê tại cảng Sao Mai Bến Đình	129.614.357.541	-
Lợi thế kinh doanh	50.254.950.739	-
Chi phí dịch vụ bán căn hộ qua sàn giao dịch bất động sản (i)	22.829.641.438	-
Chi phí trả trước tiền thuê đất khu Công nghiệp Hòa Mạc	16.228.961.025	-
	<u>500.424.809.171</u>	<u>213.218.561.553</u>

- (i) Là khoản chi phí dịch vụ bán căn hộ qua sàn (dự án Petrovietnam Landmark tại phường An Phú, quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh) theo qui định tại Hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Sàn giao dịch Bất động sản - Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực ký với Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam, là công ty con của Tổng Công ty.

11/11/2010

PVC - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và các kỳ kế toán trước:

	Đánh giá lại giá trị lợi thế kinh doanh	Chi phí phải trả và các khoản đự phòng khác	Chi phí không tạo ra doanh thu trong năm	Loại trừ lợi nhuận chưa thực hiện trong hàng tồn kho cuối năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2010	-	1.757.687.888	-	-	1.757.687.888
Chuyển sang lợi nhuận (lỗ) trong năm	(14.515.089.326)	179.654.781	4.047.179.198	15.570.787.299	5.282.531.952
Tại ngày 31/12/2010	(14.515.089.326)	1.937.342.669	4.047.179.198	15.570.787.299	7.040.219.840

Một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại theo quy định kế toán hiện hành cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất:

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(14.665.844.638)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	21.706.064.478	1.757.687.888
	7.040.219.840	1.757.687.888

20. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2009	20.592.823.350
Tăng do mua công ty con	22.362.655.549
Tại ngày 01/01/2010	42.955.478.899
Tăng do mua công ty con	38.606.807.175
Giảm do bán công ty con	(6.572.762.336)
Tại ngày 31/12/2010	74.989.523.738
HAO MÒN	
Tại ngày 01/01/2009	1.201.248.029
Khấu hao trong năm	2.222.935.867
Tại ngày 01/01/2010	3.424.183.896
Khấu hao trong năm	4.264.402.888
Tại ngày 31/12/2010	7.688.586.784
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2010	67.300.936.954
Tại ngày 31/12/2009	39.531.295.003



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	2.751.753.290.955	501.462.810.696
- Vay tại Công ty mẹ	1.340.458.597.941	336.781.252.040
- Vay tại các Công ty con	1.411.294.693.014	164.681.558.656
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	73.504.155.519	33.395.087.283
- Vay tại Công ty mẹ	24.559.473.752	33.063.688.752
- Vay tại các Công ty con	48.944.681.767	331.398.531
	<u>2.825.257.446.474</u>	<u>534.857.897.979</u>

Chi tiết một số khoản vay và nợ ngắn hạn chủ yếu của Tổng Công ty như sau:

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (i)	319.181.321.383	203.273.193.267
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (ii)	56.778.656.758	37.837.700.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (iii)	1.186.097.418.550	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (iv)	388.129.968.669	39.578.916.844
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (v)	90.000.000.000	70.676.780.242
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội (vi)	71.183.399.886	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô (vii)	62.824.224.374	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	-	10.096.220.343

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)

- (i) Khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam bao gồm 4 khoản vay theo hình thức hợp đồng tín dụng hạn mức với lãi suất từ 15% đến 19%/năm (năm 2009 là 12%/năm).
- (ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam bao gồm 2 khoản vay với lãi suất điều chỉnh 3 tháng/lần dao động từ 12%/năm đến 16,5%/năm.
- (iii) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương, số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm các khoản vay sau:

- Theo Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HDTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010, số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 793.097.418.550 VND, mục đích vay dùng để thanh toán và bù đắp thanh toán các khoản đầu tư nhận chuyển nhượng từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) theo các Hợp đồng mua bán/Hợp đồng chuyển nhượng và các Phụ lục hợp đồng, theo Phụ lục số 01 kèm theo Hợp đồng tín dụng này. Biện pháp đảm bảo khoản vay là tất cả các tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Lãi suất vay 5,5%/năm, tính trên dư nợ vay và thời gian vay thực tế. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Trả nợ gốc một lần vào ngày đáo hạn của khoản vay này.

- Theo Hợp đồng tín dụng số 11/2010/HDTD-OCEANBANK-PVC ngày 28 tháng 10 năm 2010, số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 153.000.000.000 VND. Mục đích vay dùng để góp vốn vào Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí và Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An. Biện pháp đảm bảo khoản vay là tất cả các tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Lãi suất cho khoản vay này là 5,5%/năm.

- Vay ngắn hạn phản ánh khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương với số tiền rút tối đa là 250 tỷ đồng trong thời hạn 12 tháng cho mục đích "Bổ sung vốn nhận chuyển nhượng quyền phát triển dự án - Tòa nhà CT10-11 tại tổ hợp chung cư cao tầng và dịch vụ thương mại văn phòng Văn Phú CT07, CT09, CT10, CT11, CT06 - Khu đô thị mới Văn Phú từ Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest". Khoản vay được giải ngân là 240 tỷ VND vào ngày 30 tháng 9 năm 2010. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, công trình xây dựng trên đất và các khoản thu nhập, lợi ích phát sinh từ dự án đầu tư xây dựng Tòa nhà CT10-11. Giá trị tạm tính của tài sản thế chấp là 380 tỷ VND (bằng giá trị chuyển nhượng giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest). Khoản vay này chịu lãi suất 14,5% tại thời điểm giải ngân (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 18%), lãi suất được điều chỉnh 3 tháng một lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên, bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 12 tháng lãi trả cuối kỳ cộng biên độ 4,5%.

- (iv) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam bao gồm 4 khoản vay, số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm các khoản vay sau:

- Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1878/HDTDVIB02/10 ngày 19 tháng 4 năm 2010. Khoản vay này dùng để thanh toán theo các Hợp đồng thầu phụ thuộc Dự án Nhà máy Khí điện Nhơn Trạch 2, Nhà máy Xơ sợi Polyester Đình Vũ - Hải Phòng, Nhà máy Nhựa Polypropylene Dung Quất, Nhà máy sản xuất Nhiên liệu sinh học Ethanol. Khoản vay này được vay dưới hình thức tín chấp và không có tài sản đảm bảo. Lãi suất vay áp dụng tại thời điểm giải ngân là 13%/năm đến 14%/năm, điều chỉnh 3 tháng một lần, bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh kỳ hạn 3 tháng VND của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam cộng (+) biên độ lãi suất tối thiểu là 2% đến 2,2%/năm, chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam tại từng thời kỳ.

- Hợp đồng vay số 1986/HTD2-VIB06/10 ngày 11 tháng 6 năm 2010 với hạn mức 135 tỷ VND theo hình thức tín chấp, lãi suất điều chỉnh 1 tháng/lần dao động từ 14%/năm đến 15,3%/năm và thời gian rút vốn trong vòng 1 năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)

- Hợp đồng vay số 2089/HTD2 ngày 27 tháng 7 năm 2010 với hạn mức tín dụng 50.000.000.000 VND. Lãi suất thả nổi dao động từ 14%/năm đến 15,3%/năm và thời gian rút vốn trong vòng 1 năm.
- Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 100.000.000.000 VND. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo, lãi suất được quy định trong từng khế ước nhận nợ từ 12%/năm đến 15%/năm.
- (v) Vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Hà Nội với lãi suất điều chỉnh 3 tháng/lần dao động từ 12%/năm đến 16,5%/năm.
- (vi) Vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội theo Thư đề nghị cung cấp tiện ích chung ngày 25 tháng 5 năm 2010 ký với Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội. Khoản vay này dùng để thanh toán cho nhà thầu phụ của dự án Nhà máy Khí điện Nhơn Trạch 2. Biện pháp để bảo đảm khoản vay là khoản phải thu của Tổng Công ty từ Nhà đầu tư dự án Nhà máy Khí điện Nhơn Trạch 2. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm nhận nợ vay, lãi suất áp dụng cho các khoản vay này là từ 11,2%/năm đến 12,5%/năm.
- (vii) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Liên Việt - Chi nhánh Đồng Đô với lãi suất thả nổi dao động từ 14%/năm đến 18%/năm và thời gian rút vốn trong vòng 1 năm.

22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	53.890.719.248	44.083.999.488
Thuế xuất nhập khẩu	2.276.920.572	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	74.779.897.180	44.874.670.842
Thuế thu nhập cá nhân	4.477.097.209	1.966.389.777
Các loại thuế khác	3.068.810.356	3.842.249.439
	138.493.444.565	94.767.309.546

23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Trích trước chi phí của các công trình	260.952.065.868	290.136.291.123
Chi phí phải trả khác	2.687.700.599	1.552.126.830
	263.639.766.467	291.688.417.953

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
MÃ SỐ B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo
24. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (i)	177.179.097.064	25.334.881.723
Nhận tiền góp vốn vào Dự án Văn Phú (iii)	166.239.346.493	-
Phải trả về cổ phần hóa Công ty Máy và Phụ tùng (PV Machino) (iv)	108.311.964.645	-
Tiền góp nhận góp vốn của PVR (ii)	95.718.480.000	-
Nhận tiền góp vốn vào Dự án Vĩnh Hưng (iii)	27.559.640.000	-
Phải trả Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	183.689.300.000
Phải trả Ban quản lý dự án số 7 Quang Trung Giang	-	7.499.606.149
Phải trả về cổ phần hóa	-	20.480.000.000
Phải trả tiền mua cổ phần của các cổ đông	-	3.356.480.696
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	119.864.813.398	23.958.485.335
	<u>694.873.341.600</u>	<u>373.418.963.763</u>

- (i) Số còn phải trả Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam từ việc nhận chuyển nhượng 10.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An (PAP) theo Hợp đồng số 8345/HĐ-DKVN và 13.909.896 cổ phần với mệnh giá 10.509 VND/cổ phiếu Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Dầu khí (PV Machino) theo Hợp đồng số 5650/HĐ-DKVN ký với Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.
- (ii) Khoản tiền Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam (PVR), là công ty con của Tổng Công ty, đã nhận được tiền góp vốn của các cổ đông nhưng tại 31 tháng 12 năm 2010 vẫn chưa có sự chấp thuận chính thức của Ủy ban chứng khoán Nhà nước để tăng vốn thành công.
- (iii) Tổng Công ty nhận tiền của các nhà đầu tư theo các hợp đồng góp vốn, theo đó, khi dự án đủ điều kiện để bán căn hộ theo quy định của pháp luật, nhà đầu tư được quyền mua căn hộ theo giá trị đã thỏa thuận trên hợp đồng góp vốn.
- (iv) Thể hiện khoản phải trả về cổ phần hóa Công ty Máy và Phụ tùng theo Quyết định số 517/QĐ-DKVN ngày 14 tháng 3 năm 2008 và số 4779/QĐ-DKVN ngày 7 tháng 7 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam. Khoản phải trả về Cổ phần hóa đang trong quá trình quyết toán với Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.

25. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Vay dài hạn	640.145.250.846	285.015.338.087
- Vay tại Công ty mẹ	93.951.873.752	142.921.104.960
- Vay tại các Công ty con	546.193.377.094	142.094.233.127
Nợ thuế tài chính dài hạn	36.249.211.549	5.357.526.562
- Nợ thuế tài chính dài hạn tại Công ty mẹ	2.500.179.058	5.357.526.562
- Nợ thuế tài chính dài hạn tại các Công ty con	33.749.032.491	-
	<u>676.394.462.395</u>	<u>290.372.864.649</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn tại Thuyết minh số 21)	(73.504.155.519)	(33.395.087.283)
Số phải trả sau 12 tháng	<u>602.890.306.876</u>	<u>256.977.777.366</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

Chi tiết một số khoản vay và nợ dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (i)	326.102.619.968	92.524.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (ii)	193.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (iii)	32.538.475.359	-
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	15.000.000.000	12.530.790.596
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình	-	15.734.755.008
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	-	109.976.040.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	-	9.015.540.000
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	-	5.000.000.000
Các ngân hàng thương mại khác	-	6.839.125.200
Nợ thuê tài chính dài hạn (iv)	36.249.211.549	5.357.526.562
Số phải trả sau 12 tháng	<u>602.890.306.876</u>	<u>256.977.777.366</u>

(i) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm các khoản vay sau:

- Ngày 31 tháng 8 năm 2009, Tổng Công ty ký Hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương với số tiền cho vay tối đa là 115.654.000.000 VND. Mục đích sử dụng khoản vay cho dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công. Khoản vay này sẽ được trả làm 10 lần bắt đầu từ ngày 25 tháng 3 năm 2010 đến ngày 3 tháng 9 năm 2014. Lãi suất cho vay được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam cộng (+) biên độ 2,7%/năm nhưng không thấp hơn mức lãi suất sàn do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam công bố trong từng thời kỳ và không cao hơn mức lãi suất cho vay của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định trong từng thời kỳ nếu có, tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 16,6%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 10,5%/năm) và được trả 6 tháng một lần.

- Hợp đồng tín dụng số 0268/2010/HĐTD ngày 12 tháng 11 năm 2010 với hạn mức là 76.000.000 USD. Mục đích của khoản vay là thanh toán chi phí đầu tư dự án Nhà máy chế tạo ống thép. Thời hạn cho vay là 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn giải ngân và ân hạn là 12 tháng, thời hạn trả nợ là 60 tháng. Trả gốc trong 20 kỳ, 3 tháng/kỳ. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm USD 12 tháng trả lãi sau cộng biên độ 3,5%/năm. Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần và được trả vào ngày mùng 10 hàng tháng.

(ii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương bao gồm 2 khoản vay:

- Hợp đồng số 57/2010/HĐTD1-OCEANBANK06 ngày 10 tháng 7 năm 2010. Theo đó, hạn mức vay là 110 tỷ đồng với thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích của khoản vay là vay mua và đầu tư khách sạn Đà Nẵng Riverside và lô đất 5.000m² kèm theo. Lãi suất cho vay áp dụng mức 17%/năm, được điều chỉnh 3 tháng/ lần bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Oceanbank công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ tối thiểu 6%. Khoản vay được thế chấp bằng Quyền sử dụng đất cho lô đất số BC 103853 được định giá thế chấp là 60 tỷ đồng và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 291249 được định giá trị thế chấp là 77.435 tỷ VND. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất áp dụng. Tổng Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương theo Hợp đồng trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Có phiếu quỹ	Chính lịch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2009	1.500.000.000.000	-	1.385.980.268	(548.050.756)	-	10.696.608.143	4.727.456.502	3.344.338.207	88.139.491.983	1.607.746.024.347
- Hợp nhất các công ty con	-	-	-	-	-	417.102.124	59.586.017	-	-	476.688.141
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	207.519.493.811	207.519.493.811
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	9.282.433.599	4.415.749.648	68.461.793	(20.202.648.434)	(6.436.003.394)
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	4.977.811.761	4.977.811.761
- Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(56.673.296.836)	(56.673.296.836)
- Chi quỹ	-	-	(583.592.898)	-	-	-	-	(445.000.000)	-	(445.000.000)
- Giảm khác	-	-	(583.592.898)	248.320.878	-	(674.475.397)	(458.710.798)	(2.513.000.000)	-	(3.981.458.215)
Tại ngày 01/01/2010	1.500.000.000.000	-	802.387.370	(299.729.878)	-	19.721.668.469	8.744.081.269	455.000.000	223.760.852.285	1.753.184.259.615
- Hợp nhất các công ty	-	-	3.063.276.244	-	-	2.255.459.494	1.279.979.523	544.719.133	12.275.934.655	19.419.369.049
- Nhận vốn góp (i)	1.000.000.000.000	2.784.109.156	-	-	-	-	-	-	-	1.002.784.109.156
- Đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	(15.676.965.928)	-	-	-	-	(15.676.965.928)
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	586.554.402.133	586.554.402.133
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	9.296.988.019	10.296.711.242	500.000.000	(39.986.849.513)	(19.893.150.252)
- Trả cổ tức (ii)	-	-	-	-	-	-	-	-	(400.000.000.000)	(400.000.000.000)
- Thanh lý công ty con	-	-	(802.387.370)	299.729.878	-	(2.826.710.860)	(1.187.205.249)	-	-	(4.516.573.601)
- Chi quỹ	-	-	-	-	-	-	-	(955.000.000)	-	(955.000.000)
Tại ngày 31/12/2010	2.500.000.000.000	2.784.109.156	3.063.276.244	-	(15.676.965.928)	28.447.405.122	19.133.566.885	544.719.133	382.604.339.560	2.920.900.450.172



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
MẪU SỐ B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo
26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)
Thay đổi trong vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

- (i) Theo Nghị quyết số 81/QL-XLDK ngày 20 tháng 01 năm 2010 của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam lên 2.500.000.000.000 VND. Trong đó, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam nắm giữ 103.022.222 cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu, chiếm 41,21% vốn điều lệ, còn lại là các cổ đông khác.
- (ii) Trong năm 2010, Tổng Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 số 476/NQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày 22 tháng 4 năm 2010. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đã chi trả hết số cổ tức này.

Trong năm 2010, Tổng Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức theo Quyết định số 1126/QĐ-XLDK ngày 28 tháng 10 năm 2010 của Hội đồng Quản trị với tỷ lệ 10%. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đã chi trả hết số cổ tức này.

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Tổng Công ty đều bằng 2.500.000.000.000 VND (năm 2009: 1.500.000.000.000 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp tại ngày	
	VND	%	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	1.030.222.220.000	41,21%	1.030.222.220.000	866.518.500.000
Các cổ đông khác	1.469.777.780.000	58,79%	1.469.777.780.000	633.481.500.000
	2.500.000.000.000	100%	2.500.000.000.000	1.500.000.000.000

27. DOANH THU

	2010 VND	2009 VND
Hoạt động xây lắp	6.415.073.958.008	3.731.410.540.196
Hoạt động kinh doanh nhà và hạ tầng	266.986.870.450	187.285.315.812
Hoạt động sản xuất công nghiệp	5.630.414.338	60.518.777.394
Hoạt động dịch vụ	80.702.398.400	17.788.421.802
Hoạt động tư vấn xây dựng	5.198.243.359	6.686.265.752
Hoạt động cung cấp vật tư, thiết bị	521.681.245.641	6.231.437.368
Hoạt động khác	332.019.164	62.193.516.505
	7.295.605.149.360	4.072.114.274.829



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2010	2009
	VND	VND
Hoạt động xây lắp	5.457.710.390.934	3.387.444.635.883
Hoạt động kinh doanh nhà và hạ tầng	243.438.604.422	133.008.860.166
Hoạt động sản xuất công nghiệp	4.706.851.990	49.793.163.002
Hoạt động dịch vụ	72.466.398.596	16.373.600.772
Hoạt động tư vấn xây dựng	3.109.145.751	5.432.223.998
Hoạt động cung cấp vật tư, thiết bị	501.854.930.513	7.350.416.154
Hoạt động khác	250.278.611	54.214.259.944
	6.283.536.600.817	3.653.617.159.919

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2010	2009
	VND	VND
Lãi chuyển nhượng cổ phần (i)	281.865.756.026	73.773.990.000
Lãi tiền gửi, ký quỹ ngân hàng	64.383.520.757	27.464.495.239
Cổ tức, lợi nhuận được chia	15.850.686.943	16.442.492.206
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.069.814.551	8.220.972.347
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.391.393.699	1.143.017.244
Doanh thu hoạt động tài chính khác	15.278.185.461	986.222.121
	388.839.357.437	128.031.189.157

(i) Lãi chuyển nhượng cổ phần chủ yếu bao gồm:

- Lãi bán 3.954.500 cổ phần Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC) theo Nghị quyết số 201/NQ-XLKD ngày 01 tháng 03 năm 2010 và Nghị quyết số 296/NQ-XLKD ngày 19 tháng 03 năm 2010 của Hội đồng Quản trị. Lãi từ việc chuyển nhượng là 204.279.940.000 VND.

- Lãi bán 7.053.500 cổ phần Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí 12/9 (PVC 12-9) theo Nghị quyết số 431/NQ-XLKD ngày 13 tháng 4 năm 2010 của Hội đồng Quản trị. Lãi từ việc chuyển nhượng là 4.706.298.306 VND;

- Lãi bán 600.000 cổ phần Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng (ICG) theo Nghị quyết số 378/NQ-XLKD ngày 6 tháng 4 năm 2010 của Hội đồng Quản trị. Lãi từ việc chuyển nhượng là 13.392.620.000 VND;

- Lãi bán 253.600 cổ phần của Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng (ICG) theo Nghị quyết số 751/NQ-XLKD ngày 21 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng Quản trị. Lãi từ việc chuyển nhượng là 4.075.000.000 VND;

- Lãi bán 1.600.000 cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Nghệ An (PVIT) theo Nghị quyết số 409/NQ-XLKD ngày 9 tháng 4 năm 2010 của Hội đồng Quản trị. Lãi từ việc chuyển nhượng là 1.645.000.000 VND;

- Lãi bán 7.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVL) theo Nghị quyết số 1069/NQ-XLKD ngày 12 tháng 10 năm 2010 của Hội đồng Quản trị. Lãi từ việc chuyển nhượng là 25.658.330.000 VND;

- Lãi bán 1.588.500 cổ phần của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí (PVE) theo Nghị quyết số 699/NQ-XLKD ngày 5 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng Quản trị. Lãi từ việc chuyển nhượng là 27.458.010.000 VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
MÃU SỐ B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo
30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2010	2009
	VND	VND
Chi phí lãi vay	114.058.654.438	29.079.224.223
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.664.531.110	3.049.462.399
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	206.400.652	1.173.935.056
Chi phí tài chính khác	35.111.983.111	4.298.817.064
	161.041.569.311	37.601.438.742

31. THU NHẬP KHÁC

	2010	2009
	VND	VND
Đánh giá lại tài sản (i)	104.347.670.064	-
Khác	84.609.775.862	34.276.559.289
	188.957.445.926	34.276.559.289

(i) Chênh lệch do đánh giá lại tài sản cố định khi góp vốn vào các công ty con theo hồ sơ đánh giá lại tài sản của Công ty định giá độc lập và theo các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty.

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2010	2009
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	943.904.398.704	277.642.790.290
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(144.119.389.560)	(36.673.280.214)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	27.583.502.312	1.130.485.327
Thu nhập chịu thuế	827.368.511.456	242.099.995.403
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	206.842.127.864	60.524.998.851
Trừ: Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	(10.086.463.562)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (được trình bày trong Thuyết minh số 19)	(5.239.733.325)	(1.757.687.888)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	201.602.394.539	48.680.847.401

Tổng Công ty và các Công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế. Năm 2010 là năm đầu tiên Tổng Công ty chấm dứt giai đoạn hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp cổ phần mới thành lập bao gồm việc miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm đầu và giảm 50% số thuế phải nộp trong 2 năm tiếp theo. Tổng Công ty bắt đầu hưởng ưu đãi về thuế kể từ thời điểm chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần vào tháng 4 năm 2006. Năm 2009 là năm thứ tư Tổng Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, kinh doanh có lãi và là năm thứ hai được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2010 VND	2009 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	742.302.004.165	228.961.942.889
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	586.554.402.133	207.519.493.811
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	202.054.795	150.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.903	1.383
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

34. CỔ TỨC

Theo Nghị quyết số 1126/QĐ-XLDK ngày 28 tháng 10 năm 2010 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty về việc phê duyệt phương án chia cổ tức năm 2010, Hội đồng Quản trị đã đề xuất phương án dự kiến tỷ lệ chia cổ tức là 15%/năm, tạm ứng trước cổ tức là 10%. Mức cổ tức đề xuất sẽ được thanh toán cho các cổ đông ước tính khoảng 375.000.000.000 VND. Trong năm 2010, Tổng Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2010 bằng tiền với tỷ lệ 10%. Các cổ đông của Tổng Công ty sẽ phê duyệt chính thức tỷ lệ chia cổ tức này tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, Tổng Công ty chưa hạch toán khoản cổ tức chưa được chia 5% còn lại vào báo cáo tài chính hợp nhất năm nay.

35. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty có các khoản cam kết góp vốn vào các đơn vị sau:

- Nhận chuyển nhượng 15.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Idico-Long Sơn (PIV-Long Sơn) tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Phú Đạt với số tiền là 150 tỷ VND.
- Góp vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Hải Phòng (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải) với số tiền là 86,1 tỷ VND;
- Góp vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí (PVE) với số tiền là 15,672 tỷ VND;
- Góp vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây lắp Dầu khí IMICO với số tiền là 12,5 tỷ VND;
- Góp vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang với số tiền là 11,795 tỷ VND;
- Góp vốn liên danh theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 88/HTĐT/LD Handico52-PVCHN ký tháng 12 năm 2010 với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 52 với số tiền là 124,2 tỷ VND.
- Theo Nghị quyết số 122/NQ-KCKL-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 11 năm 2010, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí đã phê duyệt đầu tư dự án “Bãi cảng chế tạo kết cấu kim loại và thiết bị dầu khí tại Khu căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai Bến Đình” với tổng mức đầu tư là 696,98 tỷ VND và thông qua chủ trương đầu tư dự án Nhà máy sản xuất que hàn tại Khu công nghiệp Soài Rạp - Tiền Giang.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty có các khoản cam kết đầu tư:

- Dự án bất động sản gồm dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Dầu khí Hoài Đức và dự án lô đất Trung tâm Kỹ thuật Đa ngành với số tiền là 65 tỷ VND;
- Đầu tư nâng cao năng lực máy móc thiết bị thi công với số tiền là 51,25 tỷ VND.
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, ký hợp đồng cam kết mua máy móc và trang thiết bị với Công ty HAEUSLER DUGGINGEN AG với trị giá là 52.675.000 EUR (tương đương 1.301 tỷ VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. XỬ LÝ TÀI CHÍNH TẠI THỜI ĐIỂM CHÍNH THỨC CHUYỂN THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN

Theo quy định tại Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, tại thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần, căn cứ vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định, doanh nghiệp có trách nhiệm điều chỉnh số liệu kế toán và lập báo cáo tài chính cho giai đoạn từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Vấn đề này có liên quan đến xử lý tài chính của Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Dầu khí (PV Machino), công ty con của Tổng Công ty, theo quy định này, PV Machino đã lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 10 năm 2008 đến ngày 28 tháng 02 năm 2010. Số liệu trên bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 10 năm 2008 đã được điều chỉnh theo đúng giá trị doanh nghiệp được xác định tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2008 để cổ phần hóa, phù hợp với Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp số 674/QĐ-DKVN ngày 10 tháng 3 năm 2009 của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam. Theo quyết định này, giá trị của Công ty Máy và Phụ tùng tại thời điểm 30 tháng 9 năm 2008 để cổ phần hóa là 556.894.342.491 VND, trong đó giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp là 386.385.915.764 VND.

Tại ngày 01 tháng 3 năm 2010 (ngày chính thức chuyển sang công ty cổ phần), Công ty đã tạm xác định lại giá trị khoản đầu tư vào Công ty TNHH Phụ tùng Xe máy ô tô Machino tại thời điểm ngày 28 tháng 2 năm 2010 và điều chỉnh tăng giá trị khoản đầu tư là 45.329.682.417 VND so với giá trị được xác định tại thời điểm định giá doanh nghiệp ngày 30 tháng 9 năm 2008.

110P
CH
MÁCH
DI
VI



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÀU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2010	2009
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	13.158.267.106	12.989.888.528

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	2010	2009
	VND	VND
Trong vòng một năm	13.611.675.257	13.443.296.679
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	49.070.736.502	48.397.222.192
Sau năm thứ năm	63.316.601.419	69.210.925.207
Cộng	125.999.013.178	131.051.444.078

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Thuê văn phòng tại tòa nhà C.E.O số 239 đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội, với thời hạn thuê từ ngày 10 tháng 11 năm 2009 đến ngày 31 tháng 01 năm 2020, tổng số tiền thuê là 127.213.592.000 VND (bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%).
- Thuê văn phòng tại tòa nhà SANNAM, phường Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội. Thời hạn thuê từ ngày 01 tháng 4 năm 2009 đến 01 tháng 4 năm 2029, tổng số tiền thuê là 28.710.499.000 VND (bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%).
- Thuê đất để xây dựng nền vật liệu xây dựng; xây dựng Phòng thí nghiệm Kiểm định Địa chất và Vật liệu xây dựng; xây dựng trạm trộn bê tông tươi HanMix công suất 60m³/h, thời hạn thuê 5 năm kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2008 đến 31 tháng 8 năm 2013 và giá trị thuê là 540.000.000 VND cho 5 năm đầu tiên, giá trị thuê đất từ năm thứ 6 sẽ được thay đổi theo giá trị trường.
- Tổng số tiền thuê 229.086,5m² đất tại ấp Chợ, xã Gia Thuận, thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà máy chế tạo ống thép của PV Pipe theo hợp đồng thuê hoạt động trong thời gian 50 năm tính từ ngày 22 tháng 10 năm 2010 với giá thuê hàng năm là 735 đồng/m².

125
NG
HIỆM
01
T N

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
MÃU SỐ B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo
38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ ĐỐI VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	<u>2010</u>	<u>2009</u>
	VND	VND
Mua hàng hóa dịch vụ từ các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	166.279.817.051	2.346.630.647.529
Doanh thu thi công các công trình xây lắp cho các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	3.837.737.577.572	2.548.093.174.491
<i>Số dư với các bên liên quan:</i>		
	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Tiền gửi tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí	-	15.012.500.000
Ủy thác quản lý vốn tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	82.000.000.000	-
Phải thu Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	771.227.526	51.007.535.141
Phải thu từ các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	244.423.114.882	160.043.471.499
Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	212.907.170.057	925.646.848.645
Phải trả các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	104.098.567.318	62.430.705.489
Ứng trước cho các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	39.408.745.553	15.396.410.771
Các khoản vay		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam:		
- Vay dài hạn	-	5.000.000.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam:		
- Vay ngắn hạn	319.181.321.383	203.273.193.267
- Vay dài hạn	15.000.000.000	12.530.790.596
	<u>2010</u>	<u>2009</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	10.266.459.897	6.146.430.551



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

39. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

- Theo Nghị quyết số 06/NQ-XLTK ngày 5 tháng 01 năm 2011, Hội đồng Quản trị phê duyệt phương án chuyển đổi nợ vay trung dài hạn của Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2009/HĐTD/NHCTVNCNCD-PVC ngày 31 tháng 8 năm 2009 từ Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam sang Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME), là công ty con của Tổng Công ty, với số tiền là 84.914.255.117 VND.
- Theo Quyết định số 07/QĐ-XLTK ngày 5 tháng 01 năm 2011, Hội đồng Quản trị đã bổ nhiệm ông Nguyễn Anh Minh, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội, là công ty con của Tổng Công ty, làm Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu Khí Việt Nam.
- Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 8 tháng 01 năm 2011 của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT), là công ty con của Tổng Công ty, các cổ đông đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ với mục đích chính là đầu tư vào dự án tòa nhà phức hợp - chung cư cao cấp tại lô đất 5.000 m² tại quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng là 225 tỷ VND và dự án Nhà máy Sản xuất bao bì Polypropylen là 25 tỷ VND. Tại Công văn số 496/XLTK-ĐTDA ngày 15 tháng 02 năm 2011, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã đồng ý cho PVC-MT chủ động thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cùng Khách sạn Đà Nẵng Riverside trên đất và 5.000 m² đất mở rộng giai đoạn 2, việc chuyển nhượng theo phương thức bán đấu giá tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất sẽ được thực hiện phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, PVC-MT vẫn chưa thực hiện bán khách sạn và lô đất.
- Theo Nghị quyết số 94/NQ-XLTK ngày 15 tháng 02 năm 2011 về việc phê duyệt một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2011 của Tổng Công ty, Hội đồng Quản trị đã chấp thuận phương án tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty lên 3.500 tỷ VND.
- Theo Nghị quyết số 130/NQ-XLTK ngày 01 tháng 3 năm 2011 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty về việc chấp thuận chuyển nhượng phần vốn của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Dầu khí (PVE) cho Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam. Số lượng cổ phần dự kiến bán là 3.216.957 cổ phần mệnh giá 10.000 VND/cổ phần với giá chuyển nhượng 12.000 VND/cổ phần, tương đương 38.603.484.000 VND.
- Theo Quyết định số 132/QĐ-XLTK ngày 01 tháng 3 năm 2011 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty về việc chấp thuận chuyển nhượng phần vốn của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Thiết kế Worley Parsons Dầu khí Việt Nam (WPV) cho Worley Parsons. Số lượng cổ phần dự kiến bán là 112.000 cổ phần mệnh giá 10.000 VND/cổ phần với giá chuyển nhượng 54.600 USD.
- Theo Quyết định số 725/QĐ-XLTK ngày 7 tháng 3 năm 2011 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty về việc chấp thuận chuyển tiền góp vốn Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO. Số lượng cổ phần dự kiến mua là 1.250.000 cổ phần mệnh giá và giá chuyển nhượng đều là 10.000 VND/cổ phiếu.
- Theo Nghị quyết số 797/NQ-XLTK ngày 10 tháng 3 năm 2011 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty về việc chấp thuận chuyển tiền góp vốn Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải. Số lượng cổ phần dự kiến mua là 2.000.000 cổ phần mệnh giá và giá chuyển nhượng đều là 10.000 VND/cổ phiếu.

PHẦN THỰC HIỆN

PVC - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

40. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty không thể lượng hóa được sự ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

41. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.



Vũ Đức Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2011



Nguyễn Thanh Sơn
Kế toán trưởng



CÁC CÔNG TRÌNH & DỰ ÁN



PVVC



Professional Visionary Creative
CHUYÊN NGHIỆP. TÂM NHÌN. SÁNG TẠO

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA PVC

- **DỰ ÁN TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI & THÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM**
Địa điểm: Lô X3 - Công viên VHTT Tây Hà Nội
Quy mô dự án: 6,5ha
Tổng mức đầu tư: 12.000 tỷ đồng
- **DỰ ÁN NHÀ MÁY BỌC ỚNG**
Địa điểm: KCN Phú Mỹ 1 – Sài Gòn
Quy mô dự án: Tổng diện tích xây dựng là 15 ha
Tổng mức đầu tư: 517 tỷ đồng
- **DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ - SOÀI RÁP - TIỀN GIANG**
Địa điểm: Xã Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang
Quy mô dự án: Diện tích 285 ha
Tổng mức đầu tư: 1.481,46 tỷ đồng
- **DỰ ÁN NHÀ MÁY BÊ TÔNG DỰ ỨNG LỰC PVC- FECON**
Địa điểm: KCN Thi Sơn, Kim Bảng, Hà Nam
Quy mô dự án: Diện tích xây dựng 2,5 ha, đạt tổng công suất 1,8 triệu mét cọc/năm.
Tổng mức đầu tư: 300 tỷ đồng
- **DỰ ÁN BÃI CẢNG CHẾ TẠO KẾT CẤU KIM LOẠI SAO MAI BẾN ĐÌNH**
Địa điểm: Sao Mai Bến Đình, Vũng Tàu
Quy mô dự án: 23 ha công suất 10.000 tấn/năm
Tổng mức đầu tư: 695 tỷ đồng
- **DỰ ÁN TỔ HỢP VĂN PHÒNG, THƯƠNG MẠI VÀ NHÀ Ở 30/4 VŨNG TÀU**
Địa điểm: Đường 30/4, TP. Vũng Tàu
Quy mô dự án: Diện tích khu đất 5.104,4 m²
 Mật độ xây dựng 59%
 Tổng diện tích sàn 96.169 m²
 Số tầng cao: 36 tầng và 2 tầng hầm
Tổng mức đầu tư: 998 tỷ đồng
- **DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ THIẾT BỊ DẦU KHÍ**
Địa điểm: KCN Soài Ráp Tiền Giang
Quy mô dự án: 58 ha công suất 10.000 tấn/năm
Tổng mức đầu tư: 700 tỷ đồng



HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA PVC

■ TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI, VĂN PHÒNG & KHÁCH SẠN HẠ LONG

Địa điểm: Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh

Quy mô dự án:

Diện tích khu đất: 10.000 m²

Mật độ xây dựng: 47,6%

Tổng sàn xây dựng: 74.000m²

Tổng mức đầu tư: 870,68 tỷ đồng

■ DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT BAO BÌ POLYPROPYLENE

Quy mô dự án: Diện tích: 2,6 ha

Địa điểm: Xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi

Tổng mức đầu tư: 139 tỷ đồng

■ DỰ ÁN BÀI CẢNG CHÉ TẠO THIẾT BỊ CƠ KHÍ VÀ KẾT CẤU KIM LOẠI TẠI KCN DỊCH VỤ DẦU KHÍ TIỀN GIANG

Địa điểm: Xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông, Tiền Giang

Quy mô dự án: diện tích 18 ha

Tổng mức đầu tư: 911 tỷ đồng

■ DỰ ÁN KHU ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Địa điểm: Thành phố Vũng Tàu

Quy mô dự án: diện tích 69,4 ha

Tổng mức đầu tư: 1.500 tỷ đồng

■ DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ IDICO LONG SƠN

Quy mô dự án: Xây dựng trên diện tích 1.250 ha,

Chia thành 03 khu vực:

Tổ hợp hóa dầu Miền Nam: 400 ha

Nhà máy lọc dầu số 03: 810 ha

Kho ngầm Xăng Dầu: 40 ha

Tổng mức đầu tư: 7.014 tỷ đồng

■ DỰ ÁN NHÀ MÁY CHÉ TẠO ỐNG THÉP

Địa điểm: Khu Công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang

Quy mô dự án: Diện tích 48,5 ha,

Công suất: 100.000 tấn/năm.

Tổng mức đầu tư: 2.175 tỷ đồng

■ DỰ ÁN KHU ĐÔ THỊ CHÍ LINH CỬA LẤP - VŨNG TÀU

Địa điểm: Thành phố Vũng Tàu

Quy mô dự án: Diện tích xây dựng 65 ha bao gồm: khu biệt thự cao cấp hai tầng, khu chung cư cao cấp (15 - 21 tầng), khu chung cư cho người có thu nhập thấp (4 - 6 tầng)

Tổng mức đầu tư: 4.000 tỷ đồng

CÁC CÔNG TRÌNH DẪN DỰNG

- Thi công xây lắp Khu nhà điều hành và nhà ở công vụ BQLDA Khí-Điện-Đạm Cà Mau Giai đoạn 1,2,3
Giá trị hợp đồng: 419,62 tỷ đồng
- Khách sạn Dầu khí Vũng Tàu
Giá trị hợp đồng: 280 tỷ đồng
- Trung tâm Tài chính Dầu khí 22 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Giá trị hợp đồng: 266,3 tỷ đồng
- Tòa nhà Dầu khí Nghệ An
Giá trị hợp đồng: 378,58 tỷ đồng
- Khách sạn Phương Đông
Giá trị hợp đồng: 80,66 tỷ đồng
- Tòa nhà Vinafood 1
Giá trị hợp đồng: 135,74 tỷ đồng
- Trung tâm tài chính Dầu khí Đà Nẵng
Giá trị hợp đồng: 183,4 tỷ đồng
- Trung tâm TM Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng
Giá trị hợp đồng: 676,63 tỷ đồng
- Nhà làm việc Bộ máy điều hành XNLD VietsovPetro
Giá trị hợp đồng: 169,3 tỷ đồng
- Rạp Kim Đồng
Giá trị hợp đồng: 128,95 tỷ đồng
- Trụ sở Bộ Nội vụ
Giá trị hợp đồng: 393,05 tỷ đồng
- Chung cư cao cấp Phú Đạt
Giá trị hợp đồng: 107,50 tỷ đồng
- Khách sạn Dầu khí Thái Bình
Giá trị hợp đồng: 387,41 tỷ đồng
- Trung tâm tu bổ phục chế tài liệu
Giá trị hợp đồng: 124,38 tỷ đồng
- Văn phòng Viện Dầu khí
Giá trị hợp đồng: 929,89 tỷ đồng



TRỤ SỞ BỘ NỘI VỤ



TÒA NHÀ VIỆN DẦU KHÍ VIỆT NAM



RẠP KIM ĐỒNG



TRUNG TÂM TÀI CHÍNH DẦU KHÍ ĐÀ NẴNG



TRUNG TÂM TÀI CHÍNH DẦU KHÍ



NHÀ LÀM VIỆC BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH XNLD VIETSOVPETRO



KHÁCH SẠN PHƯƠNG ĐÔNG - NGHỆ AN



TRUNG TÂM TM TÀI CHÍNH DẦU KHÍ PHÚ MỸ HƯNG

XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP



DỰ ÁN NHIÊN LIỆU SINH HỌC ETHANOL PHÙ THỌ

- Kho lạnh Thị Vải
Giá trị hợp đồng: 1.165,35 tỷ đồng
- EPC cảng nhập than Quảng Trạch
Giá trị hợp đồng: 1.395,25 tỷ đồng
- EPC Nhà máy nhiệt điện Thái Bình
Giá trị hợp đồng: 24.000 tỷ đồng
- Nhà máy nhiệt điện Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2
Giá trị hợp đồng: 1.382,34 tỷ đồng
- Nhà máy Xơ sợi tổng hợp Polyester Đình Vũ Hải Phòng
Giá trị hợp đồng: 1.098,54 tỷ đồng
- Nhà máy Ethanol nhiên liệu sinh học Khu vực phía Bắc
Giá trị hợp đồng: 976,91 tỷ đồng



NHÀ MÁY LỌC DẦU DUNG QUẤT



XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP



XÂY DỰNG KHO XĂNG DẦU CÙ LAO TÀO



HỆ THỐNG PP KHÍ THẤP ÁP
PHÙ MỸ - MỸ XUÂN - GÒ DẦU

XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP



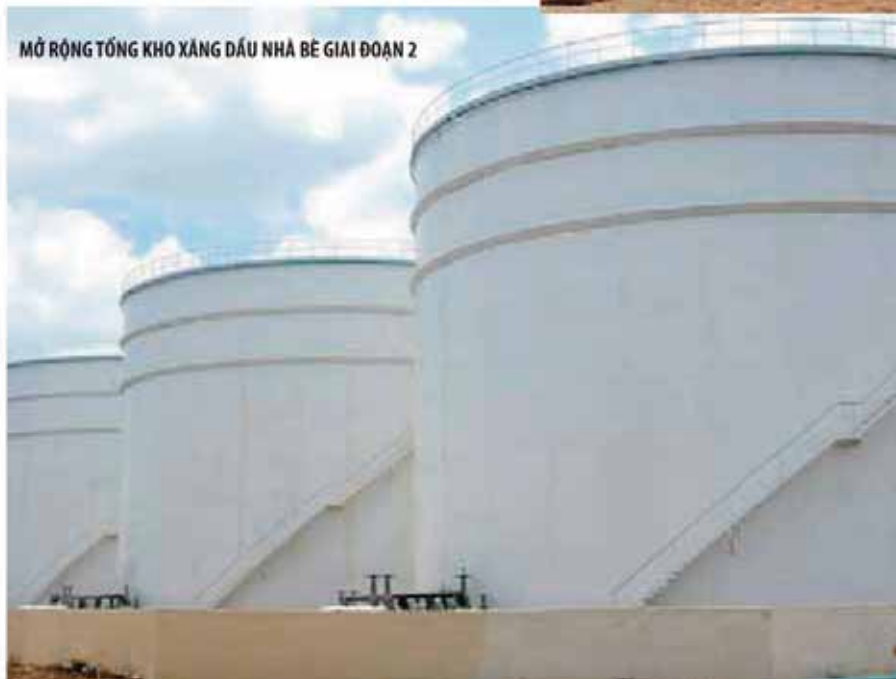
NHÀ MÁY XỬ SỢI TỔNG HỢP POLYESTER ĐÌNH VŨ HẢI PHÒNG

- Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng
Giá trị hợp đồng: 1.322,5 tỷ đồng
- Đường ống - Kho chứa - Cảng xuất LPG Thị Vải
Giá trị hợp đồng: 994 tỷ đồng
- Nhà máy Chế tạo ống thép PV Pipe
Giá trị hợp đồng: 406,18 tỷ đồng
- Tuyến ống dẫn khí và các trạm phân phối khí đảm bảo cung cấp 2 triệu m³/ngày đêm
Giá trị hợp đồng: 226 tỷ đồng
- Nhà máy lọc dầu Dung Quất
Giá trị hợp đồng: 438 tỷ đồng
- Hệ thống PP khí thấp áp Phú Mỹ- Mỹ Xuân - Gò Dầu GĐ 2
Giá trị hợp đồng: 116 tỷ đồng
- Kho xăng dầu Cù Lao Tào
Giá trị hợp đồng: 489,03 tỷ đồng
- Nhà máy Nhựa PolyPropylene tại Bình Sơn, Bình Trị, Quảng Ngãi
Giá trị hợp đồng: 557 tỷ đồng



- Kho LPG Gò Dầu
Giá trị hợp đồng: 167,75 tỷ đồng
- Kho cảng bốn chứa nhiên liệu 48000m³
Giá trị hợp đồng: 120 tỷ đồng
- Mở rộng Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè Giai đoạn 2
Giá trị hợp đồng: 100,38 tỷ đồng
- Kho chứa LPG và Trạm xuất xe bốn tại Dung Quất
Giá trị hợp đồng: 126,29 tỷ đồng

MỞ RỘNG TỔNG KHO XĂNG DẦU NHÀ BÈ GIAI ĐOẠN 2





KHO CHỨA LPG DUNG QUẤT



DỰ ÁN CHẾ TẠO BỐN BỂ CÔNG TRÌNH NHÀ MÁY ĐẠM PHỤ MỸ



DỰ ÁN NHÀ MÁY ĐIỆN CÀ MAU 1

XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG, GIAO THÔNG



DỰ ÁN XÂY DỰNG NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN NHƠN TRẠCH 2



DỰ ÁN NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN VÙNG ÁNG - HÀ TĨNH



DỰ ÁN NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN THÁI BÌNH





- **Sản lắp đặt mật bảng dự án Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn**
Giá trị hợp đồng: 1.362,99 tỷ đồng
- **Sản lắp đặt mật bảng cho PV Shipyards thuê tại Cảng Sao Mai – Bến Đình**
Giá trị hợp đồng: 137,82 tỷ đồng
- **Sản lắp đặt mật bảng Trung tâm Điện lực Thái Bình**
Giá trị hợp đồng: 413,05 tỷ đồng
- **Sản lắp đặt mật bảng bờ kè Trung tâm Nhiệt điện Long Phú**
Giá trị hợp đồng: 231 tỷ đồng
- **Sản lắp đặt mật bảng tái phục vụ thi công Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch I và kênh dẫn nước hoàn trả**
Giá trị hợp đồng: 160,84 tỷ đồng

